

## **CHƯƠNG I**

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Những vấn đề lý luận chung về vốn bằng tiền.**

#### **1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền.**

Tiền là bộ phận của tài sản ngắn hạn tồn tại dưới hình thái tiền tệ, là loại tài sản có tính thanh khoản cao nhất, là chỉ tiêu quan trọng đánh giá khả năng thanh toán của một doanh nghiệp.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T – H – T, trong quá trình đó luôn có một bộ phận vốn dừng lại hình thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một bộ phận của tài sản lưu động, được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ, bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, kho bạc hoặc các công ty tài chính và tiền đang chuyển.

Vốn bằng tiền có tính lưu hoạt (thanh khoản) cao nhất trong các loại tài sản của DN, được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán tức thời của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí.

Với cơ chế chính sách hiện nay vốn đóng góp vai trò hết sức quan trọng trong sản xuất kinh doanh cũng như trong các lĩnh vực phát triển đầu tư. Muốn thành lập được nhiều doanh nghiệp, nhà máy, công ty cũng như các cửa hàng kinh doanh đòi hỏi các đơn vị, cá nhân, tập thể, nhà máy phải có lượng vốn đủ để sản xuất kinh doanh, đủ để quay vòng sản xuất, tạo ra các sản phẩm mới trên thị trường với sức hút mạnh nhất.

#### **1.1.2. Các loại vốn bằng tiền và đặc điểm của vốn bằng tiền.**

##### *☛ Các loại vốn bằng tiền:*

Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam

+ Ngoại tệ

+ Vàng bạc, kim khí quý, đá quý

Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại nơi quản lý, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

Doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch thu, chi (ngắn hạn, dài hạn), duy trì một lượng tiền tồn quỹ hợp lý để sử dụng.

☛ Đặc điểm:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Với tính lưu hoạt cao nhất - vốn bằng tiền được dùng để áp dụng cho nhu cầu thanh toán, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Nhằm đảm bảo cho quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, liên tục. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

### **1.1.3. Vị trí, vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.**

#### **Vị trí:**

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Vốn bằng tiền là một trong những vị trí quan trọng nhất không thể thay thế trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **Vai trò:**

- Bản chất tiền tệ là một hàng hóa đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung để đo giá trị của tất cả các hàng hóa khác. Sự xuất hiện của tiền tệ trong nền kinh tế thị trường đã chứng minh rằng: tiền tệ phát sinh, phát triển và tồn tại trong sản xuất và trao đổi hàng hóa. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hóa thì ở đó tồn tại tiền tệ.

- Bản chất đầy đủ của tiền tệ được hiểu thông qua các chức năng của nó. Tiền tệ là thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện cất trữ, phương tiện thanh toán và tiền tệ thế giới.

- Phản ánh chính xác, đầy đủ và kịp thời số hiện có, tình hình biến động và sử dụng tiền mặt. Giám sát chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu, chi và quản lý tiền mặt.

- Phản ánh chính xác đầy đủ và kịp thời tiền gửi Ngân hàng, kim loại quý và ngoại tệ. Giám sát việc chấp hành đầy đủ chế độ quy định về quản lý tiền tệ, ngoại tệ, kim loại quý và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Vốn bằng tiền có vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường, trước hết vai trò của tiền tệ thể hiện ở chỗ nó kích thích sản xuất hàng hoá và lưu thông hàng hoá, vì trong nền kinh tế thị trường bất kỳ

một cá nhân nào cũng muốn giàu nên, muốn vậy buộc họ phải tham gia vào hoạt động kinh tế mở rộng quy mô sản xuất tốt hơn nữa để bán được nhiều hàng hoá hơn, thu được lợi nhuận cao hơn. Họ không chỉ đi sâu vào mở rộng quy mô theo chiều rộng, mà còn luôn nghiên cứu phát minh sáng chế khoa học kỹ thuật để nâng cao trình độ sản xuất làm cho mẫu mã hàng hoá đẹp lên kích thích người tiêu dùng, nâng cao năng suất sản xuất tiết kiệm chi phí có lãi nhiều hơn. Đối với các nhà kinh tế luôn nghiên cứu thị trường, tìm kiếm thị trường, phát hiện sở thích của người tiêu thụ để bán được nhiều sản phẩm hơn. Để có được nhiều tiền vô hình chung đã làm cho trình độ sản xuất phát triển mạnh lên, xã hội văn minh hiện đại hơn.

- Vai trò thứ hai của vốn bằng tiền đó là công cụ để hoạch toán kế toán, hạch toán kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, tính các chi phí, dịch vụ phục vụ cho quá trình quản lý và kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ cho quá trình giám sát của Nhà nước, vì nó là đơn vị giá trị duy nhất để đo lường các loại hàng hoá khác.

- Vai trò cuối cùng của vốn bằng tiền là công cụ tính toán trao đổi hàng hoá trong phạm vi một quốc gia và toàn thế giới, nhờ có tiền và việc lưu thông hàng hoá diễn ra một cách nhanh chóng và đạt hiệu quả cao. Tiền tệ có lịch sử phát triển lâu đời và nó luôn gắn liền với trình độ lịch sử kinh tế của mỗi thời đại, hơn thế nữa nó còn là hình thức biểu hiện trình độ phát triển kinh tế của các nền kinh tế.

Như vậy tiền tệ nói chung và vốn bằng tiền nói riêng là vấn đề không thể thiếu được trong nền kinh tế hàng hóa. Nó là một bộ phận nhạy cảm nhất trong quá trình kinh doanh. Muốn tìm hiểu nó phải đi từ lý luận kết hợp với thực tiễn sinh động để phân tích.

Tóm lại: Để quản lý một cách có hiệu quả và tốt nhất đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không phân biệt doanh nghiệp thuộc thành phần, loại hình kinh tế nào đều phải sử dụng vốn bằng tiền. Với vị trí là một bộ phận nhạy cảm trong tài sản lưu động cho nên nó có ý nghĩa, vai trò vô cùng quan trọng, có thể nói là khâu xuất hiện đầu tiên và cũng là khâu cuối

cùng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

#### **1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.**

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt nhiệm vụ sau:

- Hàng ngày phản ánh kịp thời tình hình thu chi và tồn quỹ vốn bằng tiền, giám sát tình hình chấp hành định mức tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách. Kiểm tra giám sát chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu chi và quản lý nghiêm ngặt việc sử dụng các loại vốn bằng tiền. Kiểm soát phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, phát hiện các sai lệch, xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch vốn bằng tiền.

- Phản ánh tình hình tăng, giảm và số dư tiền gửi Ngân hàng hàng ngày, giám sát việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền hàng đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp kịp thời, giải phóng nhanh tiền đang chuyển.

- Phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời tình hình tiền gửi Ngân hàng, các loại kim khí đá quý và ngoại tệ. Giám sát việc chấp hành chế độ quy định về quản lý tiền tệ, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý về chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán vốn bằng tiền.

- Phản ánh kịp thời đầy đủ, chính xác số hiện có và tình hình biến động của vốn bằng tiền.

- Giám đốc thường xuyên tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.

- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

### **1.1.5. Sự cần thiết vốn bằng tiền trong hoạt động kinh doanh.**

- Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là tài sản tồn tại trực tiếp dưới hình thức tiền tệ bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi Ngân hàng và tiền đang chuyển. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc để mua sắm vật tư, hàng hóa để phục vụ sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu nợ các khoản công nợ. Chính vì vậy quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp và là một bộ phận của vốn lưu động. Mặt khác, vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì trong quá trình luân chuyển rất dễ bị tham ô, lợi dụng, mất mát. Do vậy việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

- Vốn bằng tiền giúp cho các doanh nghiệp có cơ sở để tính toán và kiểm tra kết cấu tối ưu của vốn lưu động bỏ ra. Vốn bằng tiền nhằm đảm bảo về mặt tài chính cho quá trình tái sản xuất tiến hành được thuận lợi với một số phương tiện tài chính tối ưu.

### **1.1.6. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.**

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Tiền mặt phải được bảo quản trong két an toàn, chống mất trộm, chống cháy, chống mối xông.

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ hợp lý, hợp pháp, hợp lệ.

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

## **1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.**

### **1.2.1. Những quy định chung về kế toán vốn bằng tiền.**

Vốn bằng tiền là loại tài sản gắn liền với quá trình hoạt động SXKD nên trong quá trình quản lý cần tôn trọng các nguyên tắc sau:

- Kế toán tổng hợp tổng hợp sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng

Việt Nam (VNĐ) trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

- Các đơn vị sử dụng ngoại tệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỉ giá thực tế do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo từng nguyên tệ trên tài khoản 007 - ngoại tệ các loại. Nếu có chênh lệch giữa tỉ giá thực tế và tỉ giá đã ghi sổ kế toán thì phản ánh khoản chênh lệch này vào tài khoản 413 - chênh lệch tỉ giá.

- Số dư của các tài khoản vốn bằng tiền là ngoại tệ thì phải được điều chỉnh theo tỉ giá thực tế tại thời điểm lập báo cáo.

- Vàng bạc, đá quý phản ánh ở các tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có chức năng kinh doanh vàng bạc, đá quý. Vàng bạc, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại...Giá vàng bạc, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán).

Khi tính giá xuất của vàng bạc, đá quý và ngoại tệ có thể áp dụng một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp giá đơn vị bình quân.
- Phương pháp nhập trước, xuất trước.
- Phương pháp nhập sau, xuất trước.
- Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh.

#### **1.2.1.1. Nguyên tắc các nghiệp vụ thanh toán.**

Để theo dõi chính xác, kịp thời các nghiệp vụ thanh toán, kế toán cần quán triệt các nguyên tắc sau:

- Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải thu, phải trả theo từng đối tượng, thường xuyên tiến hành đối chiếu, kiểm tra đôn đốc, việc thanh toán được kịp thời.

- Đối với các đối tượng có quan hệ giao dịch, mua bán thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán cần kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn

bản.

- Đối với các khoản nợ phải trả, phải thu có gốc ngoại tệ, cần theo dõi cả về nguyên tệ và quy đổi theo “ Đồng Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam”. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Đối với các khoản phải trả, phải thu bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế. Cần phân loại các khoản nợ phải trả, phải thu theo thời gian thanh toán cũng như theo từng đối tượng, nhất là những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thanh toán phù hợp.

- Tuyệt đối không được bù trừ số dư giữa hai bên nợ, có của một tài khoản thanh toán như tài khoản 131, 331 mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số liệu ghi vào các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán.

## **1.2.2. Hạch toán kế toán vốn bằng tiền.**

### **1.2.2.1. Hạch toán kế toán tiền mặt.**

#### **1.2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt.**

*☛ Kế toán tiền Việt Nam:*

*\* Quy định kế toán tiền mặt tại quỹ:*

- Tiền mặt tại quỹ do thủ quỹ bảo quản và trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ thu, chi căn cứ vào chứng từ hợp lệ, hợp pháp. Thủ quỹ do giám đốc chỉ định và không được nhờ người khác làm thay.

- Chi phản ánh vào TK 111 “tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với tài khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định



của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

\* Chứng từ kế toán tiền mặt tại quỹ sử dụng:

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 – TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 – TT)
- Và các chứng từ khác có liên quan.

\* Quy trình lập phiếu thu, phiếu chi tại công ty:

- Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần)
  - + Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu.
  - + Liên 2: Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán thanh toán cùng với chứng từ gốc để ghi sổ kế toán.
  - + Liên 3: Giao cho người nộp tiền.
- Phiếu chi do kế toán lập thành 2 liên (hoặc 3 liên trong trường hợp các Tổng công ty chi tiền cho đơn vị cấp dưới) (đặt giấy than viết 1 lần) nhưng lưu ý riêng phiếu chi tất cả các chữ ký phải ký sống.
  - + Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu.
  - + Liên 2: Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán thanh toán cùng với các chứng từ gốc để vào sổ kế toán.
  - + Liên 3 (nếu có): Giao cho người nhận tiền để làm chứng từ gốc lập phiếu thu và nhập quỹ của đơn vị nhận tiền.

Sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu thu, phiếu chi sẽ được đính kèm với các chứng từ khác có liên quan trong nghiệp vụ để chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt. Tiếp theo chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập, xuất quỹ. Phiếu thu phải đóng thành quyển và ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi phiếu thu, phiếu chi phải ghi số quyển và số của từng phiếu thu, phiếu chi. Số phiếu thu, phiếu chi phải đánh liên tục trong một kỳ kế toán để tránh các trường hợp gian lận, biến thủ công quỹ.

\* Giấy đề nghị tạm ứng tại công ty:

Giấy đề nghị tạm ứng do người xin tạm ứng viết 1 liên và ghi rõ gửi người xét duyệt tạm ứng. Sau khi ghi đầy đủ các nội dung trong giấy (họ tên, đơn vị số tiền tạm ứng, lý do tạm ứng...)

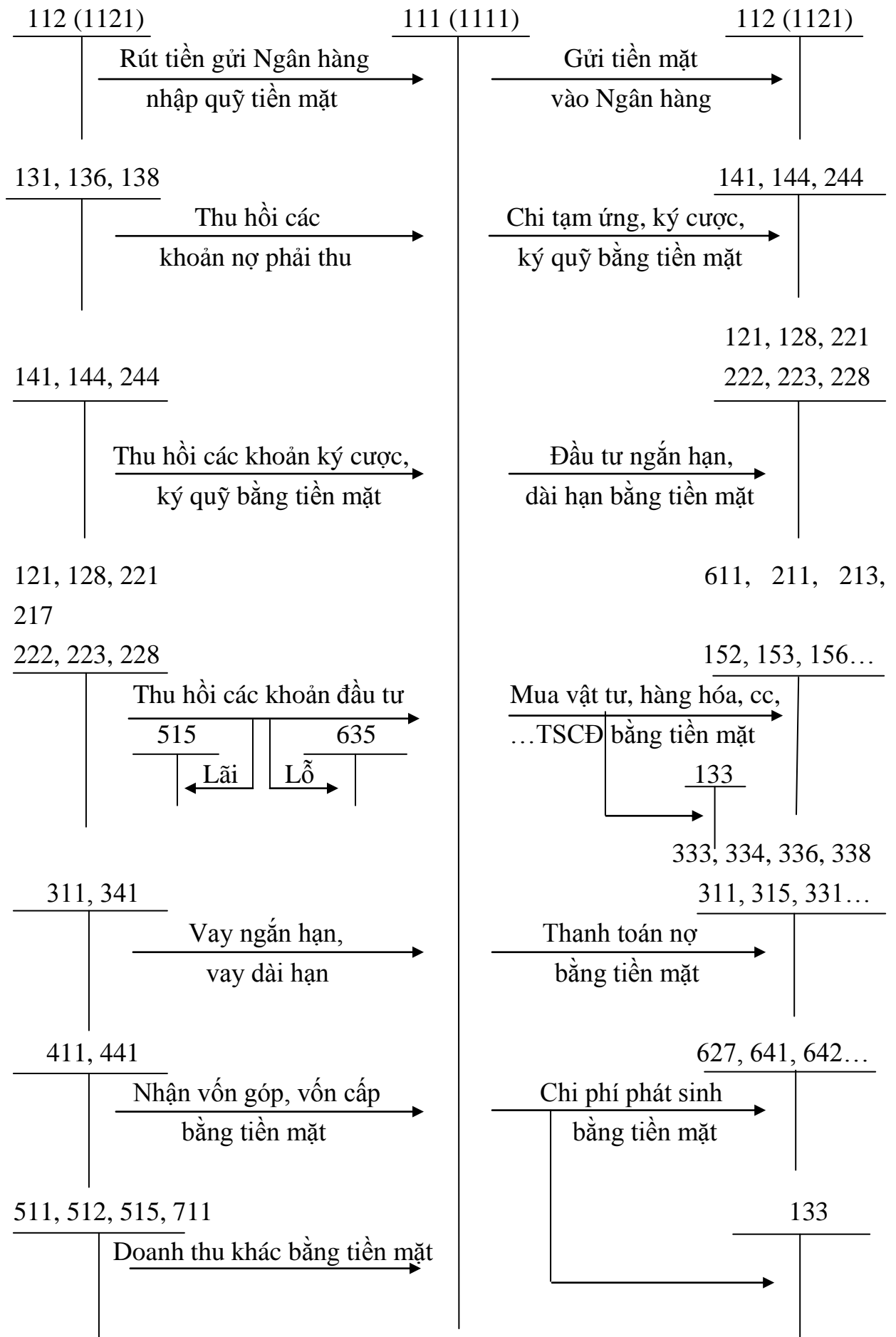
Giấy đề nghị tạm ứng được chuyển cho kế toán trưởng xem xét và ghi ý kiến đề nghị giám đốc duyệt chi. Căn cứ vào quyết định đó kế toán lập phiếu chi theo giấy đề nghị tạm ứng và chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục xuất quỹ.

\* Các bảng biểu sử dụng trong kế toán tiền mặt:

- Bảng kê ngoại tệ, vàng bạc, đá quý (Mẫu số 07 – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (Mẫu số 08a – TT)

...

← Sơ đồ hạch toán tiền mặt.



☛ Kế toán ngoại tệ:

\* Các qui định về hạch toán ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá ngoại tệ:

Một nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ, phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ đồng Việt Nam (VNĐ), việc qui đổi từ ngoại tệ sang đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Đồng thời phải ghi chép bằng ngoại tệ trên TK 007 “ Ngoại tệ các loại”.

\* Nguyên tắc:

Đối với các tài khoản phản ánh vật tư, hàng hoá, TSCĐ, doanh thu, thu nhập và chi phí, khi có phát sinh các NVKT liên quan đến ngoại tệ thì luôn luôn được ghi sổ theo tỉ giá hối đoái tại ngày giao dịch (là tỉ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước công bố vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế).

Đối với các tài khoản phản ánh vốn bằng tiền (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển), các khoản nợ phải thu (Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác), các khoản nợ phải trả (phải trả người bán, phải trả nội bộ, vay ngân hàng, nợ dài hạn...) khi phát sinh:

- Ghi tăng (bên Nợ) các tài khoản vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả theo tỉ giá hối đoái tại ngày giao dịch tại thời điểm phát sinh NVKT.

+ Ghi giảm (bên Có) tài khoản vốn bằng tiền theo tỉ giá thực tế xuất ngoại tệ (Bình quân, đích danh, FIFO, LIFO); và ghi giảm nợ phải thu, nợ phải trả theo tỉ giá ghi sổ (Tỉ giá giao dịch lúc ghi nhận nợ phải thu hoặc phải trả).

+ Các khoản chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ của hoạt động kinh doanh (kể cả hoạt động ĐT XDCB) của doanh nghiệp đang hoạt động được ghi nhận ngay vào TK 635 “Chi phí tài chính” hoặc TK 515 “doanh thu hoạt động tài chính” .

+ Mua Ngoại tệ hoặc thanh toán công nợ bằng đồng Việt Nam được hạch toán theo tỉ giá mua thực tế hoặc tỷ giá thanh toán thực tế.

+ Số chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ (Tổng PS Có – Tổng PS Nợ của TK 413) được phản ánh vào TK 515 nếu kết quả là dương hoặc vào TK 635 nếu kết quả là âm.

+ Các doanh nghiệp không chuyên doanh ngoại tệ khi có các NVKT về ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam Theo tỷ giá mua, bán thực tế. Chênh lệch tỷ giá mua vào và bán ra được hạch toán vào TK 515 hoặc TK 635.

+ Cuối kỳ năm tài chính, Doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ trên các TK Vốn bằng tiền, Nợ phải thu, phải trả... theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Số chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được hạch toán vào TK 413 và phản ánh trên bảng cân đối kế toán.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 112, TK 1122 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt).

- Đối với vàng bạc, đá quý, kim khí quý phản ánh ở TK vốn bằng tiền chỉ dùng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc kim khí quý. Ở các doanh nghiệp có vàng bạc kim đá quý nhập quỹ tiền mặt việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

\* Chứng từ sổ sách thường dùng cho kế toán chi tiết tiền mặt:

- Bảng kê ngoại tệ, vàng bạc, đá quý (Mẫu số 07 – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ dùng cho NT, VBDQ (Mẫu số 08b – TT)
- Sổ Nhật ký thu tiền
- Sổ Nhật ký chi tiền
- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Và các sổ liên quan.

**1.2.2.1.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt.**

- Chứng từ số liệu tài liệu sử dụng:

Sử dụng những số liệu chứng từ tổng hợp từ kế toán chi tiết tiền mặt.

☛ Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.

\* Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh số hiện có và tình hình thu chi tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK 111 - Tiền mặt TK này có 3 TK cấp 2:

- TK 1111: Tiền Việt Nam - Phản ánh tình hình thu chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- TK 1112: Ngoại tệ - Phản ánh tình hình thu chi, tăng giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- TK 1113: Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý - Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

\* Kết cấu tài khoản:

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, giảm tiền mặt kế toán sử dụng TK “111” Tiền mặt, tài khoản này có nội dung như sau:

- Bên nợ:

+ Số khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, nhập quỹ.

+ Số khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ)

- Bên có:

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý khi xuất quỹ.

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ).

- Dư nợ: Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

\* TK 007 “Ngoại tệ các loại ”

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản. 007-“Ngoại tệ các loại”

Bên Nợ: Số ngoại tệ thu được (ghi theo gốc nguyên tệ)

Bên Có: Số ngoại tệ chi ra (ghi theo gốc nguyên tệ)

Số Dư Nợ: Ngoại tệ hiện có (ghi theo gốc nguyên tệ)

\* TK 413 "Chênh lệch tỷ giá hối đoái"

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động); Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính và xử lý khoản chênh lệch thuần vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 413 - “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”

Bên Nợ :

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lỗ tỷ giá) cuối năm tài chính của hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động ĐT XDCB.

- Kết chuyển số chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính (lãi tỷ giá) của hoạt động kinh doanh vào doanh thu tài chính.

Bên Có:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi tỷ giá) cuối năm tài chính của hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động ĐT XDCB.

- Kết chuyển số chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính (lỗ tỷ giá) của hoạt động kinh doanh vào doanh thu tài chính.

Số Dư:

TK 413 có thể có số dư bên Nợ hoặc số dư bên Có, thể hiện số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi hoặc lỗ tỷ giá) ở thời điểm cuối năm tài chính chưa được xử lý.

Tài khoản 413 có 02 TK cấp 2

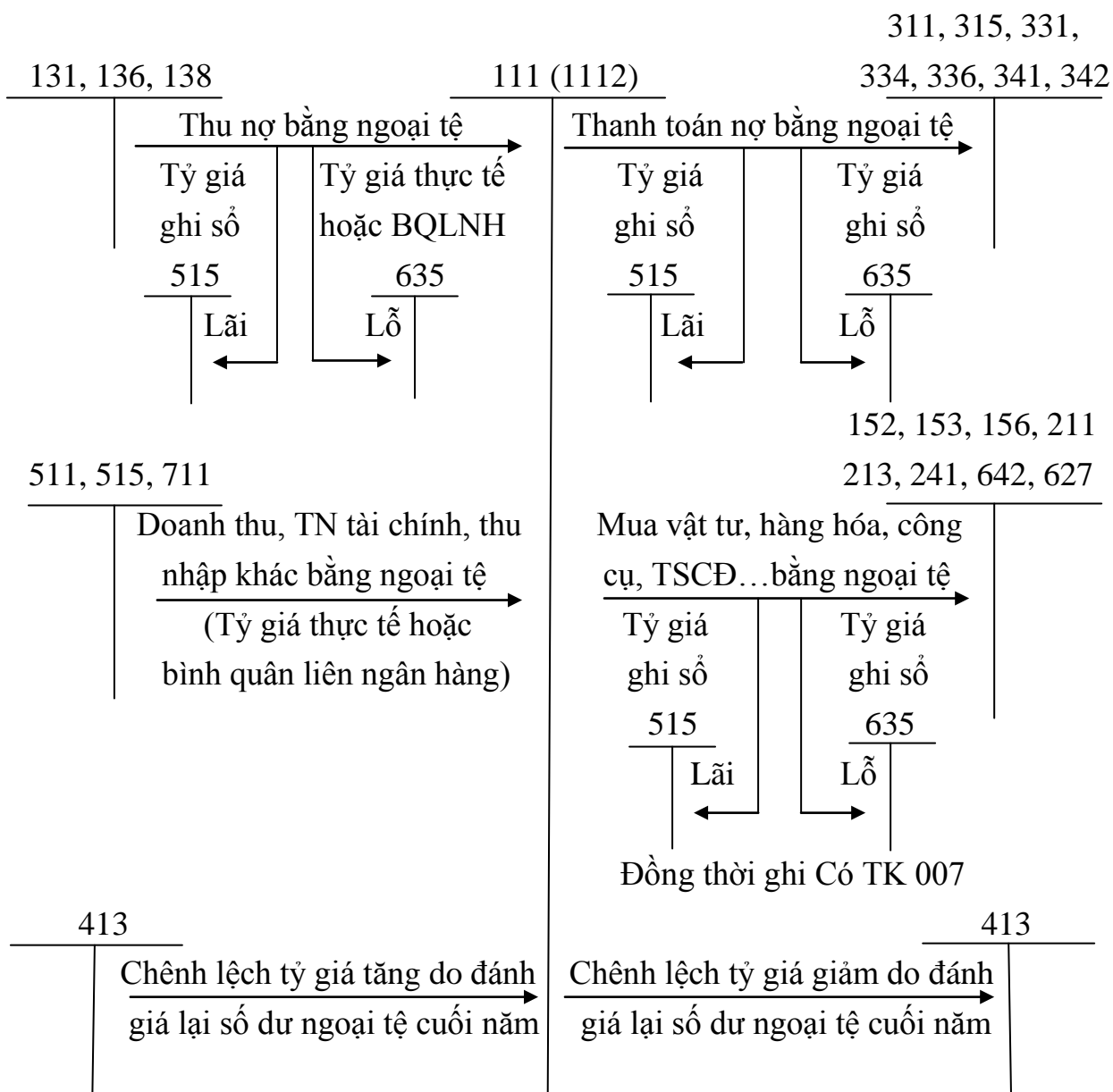
TK 4131: Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính

TK 4132: Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn ĐT XDCB.

\* Sổ sách sử dụng của kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt:

- Dựa trên sổ sách của kế toán chi tiết tiền mặt.
- Sổ Cái (mỗi hình thức có sổ cái riêng)
- Sổ Nhật ký

☛ Sơ đồ hạch toán tiền mặt ngoại tệ:



**Sơ đồ: Hạch toán kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)**



### **1.2.2.2. Hạch toán tiền gửi ngân hàng**

Hạn chế sử dụng tiền mặt trong thanh toán là cách tốt nhất giảm bớt những tiêu cực, gian lận và nâng cao hiệu quả sử dụng tiền. Vì vậy phần lớn tiền của Doanh nghiệp đều được gửi ở ngân hàng, vừa đảm bảo tính an toàn, vừa được hưởng lãi suất tiền gửi đầy đủ cũng đã cách đầu tư hiệu quả.

Khi mở tài khoản ở Ngân hàng, doanh nghiệp phải đăng ký tên chủ tài khoản, kế toán trưởng. Mọi thủ tục thanh toán qua ngân hàng đều phải có đầy đủ chữ ký của họ.

#### **1.2.2.2.1. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng.**

##### *Quy định kế toán tiền gửi ngân hàng:*

- Căn cứ để hạch toán trên TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” là các Giấy báo có, Giấy báo nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi, ...).

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch về số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu của chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì phải thông báo cho ngân hàng biết để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên Giấy báo nợ, Giấy báo có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch nếu có ghi vào bên nợ TK 138 “phải thu khác”(1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên có TK 338 “phải trả, phải nộp khác”(3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng Tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước, xuất trước, nhập sau, xuất trước, giá thực tế đích danh.

- Mọi khoản tiền nhận rồi của doanh nghiệp phải gửi vào Ngân hàng hoặc kho bạc hay công ty tài chính khi cần tiêu thụ doanh nghiệp phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán tiền gửi Ngân Hàng đòi hỏi phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi. Chứng từ hạch toán chi tiết các loại tiền gửi là các Giấy báo nợ, Giấy báo có hoặc bảng sao kê của Ngân Hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi...). Hàng ngày khi nhận được chứng từ do Ngân Hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra và đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

\* Chứng từ sử dụng.

- Căn cứ vào hạch toán tiền gửi ngân hàng, chứng từ bao gồm:  
+ Giấy báo nợ.  
+ Giấy báo có  
+ Hoặc bảng sao kê của ngân hàng kèm theo chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc bảo chi.....)

Ủy nhiệm chi (UNC), ủy nhiệm thu (UNT)

Sau khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chuyển khoản kế toán lập UNC, UNT và chuyển tới ngân hàng từ đó nhận được sổ hạch toán chi tiết, giấy báo có, giấy báo nợ.

- Sổ sách sử dụng: Sổ tiền gửi Ngân hàng mở cho từng Ngân hàng.

#### **1.2.2.2.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng.**

##### **☛ Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản tiền gửi ngân hàng:**

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được các chứng từ do Ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các Tài khoản chờ xử lý. (TK 138.3- tài sản thiếu chờ xử lý, TK 338.1- Tài sản thừa chờ xử lý). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

- Trường hợp doanh nghiệp mở TK TGNH ở nhiều Ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

##### **☛ Đối với tiền Việt Nam.**

##### **\* Chứng từ sử dụng.**

- Căn cứ vào hạch toán tiền gửi ngân hàng, chứng từ bao gồm:

+ Giấy báo nợ.

+ Giấy báo có

+ Hoặc bảng sao kê của ngân hàng kèm theo chứng từ gốc (ủy nhiệm

chi, ủy nhiệm thu, séc bảo chi.....)

Ủy nhiệm chi (UNC), ủy nhiệm thu (UNT)

Sau khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chuyển khoản kế toán lập UNC, UNT và chuyển tới ngân hàng từ đó nhận được sổ hạch toán chi tiết, giấy báo có, giấy báo nợ.

- Sổ sách sử dụng cho kế toán tổng hợp TGNH:

+ Sổ cái (mỗi hình thức lại dùng sổ cái của hình thức đó).

+ Sổ nhật ký.

\* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.

- Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng của doanh nghiệp kế toán sử dụng TK 112 “tiền gửi Ngân hàng”. Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

+ TK 1121: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam

+ TK 1122: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

+ TK 1123: Phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

- Kết cấu của tài khoản 112.

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, giảm của tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “ tiền gửi Ngân Hàng” tài khoản này có thể được mở chi tiết theo từng nơi tiền gửi.

Bên nợ:

+ Các khoản tiền mặt ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên có:

+ Các khoản tiền mặt ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ

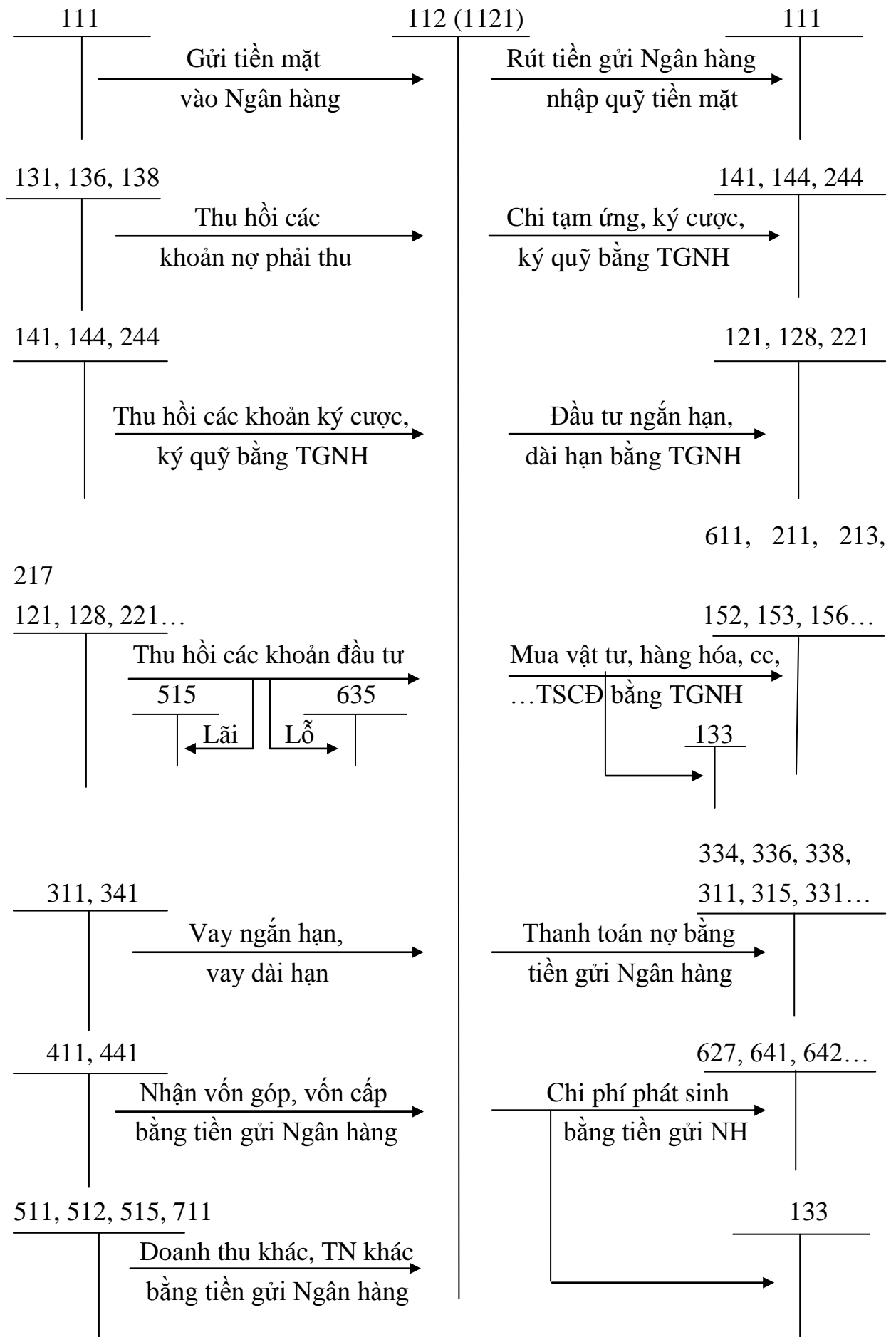
Ngân hàng.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền gửi ngoại tệ).

Dư nợ:

+ Các khoản tiền mặt ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn gửi lại Ngân hàng.

← Sơ đồ hạch toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)



➤ Đối với ngoại tệ

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước, xuất trước, nhập sau, xuất trước, giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XDChB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu XDChB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

- Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ:

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán tiền gửi Ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

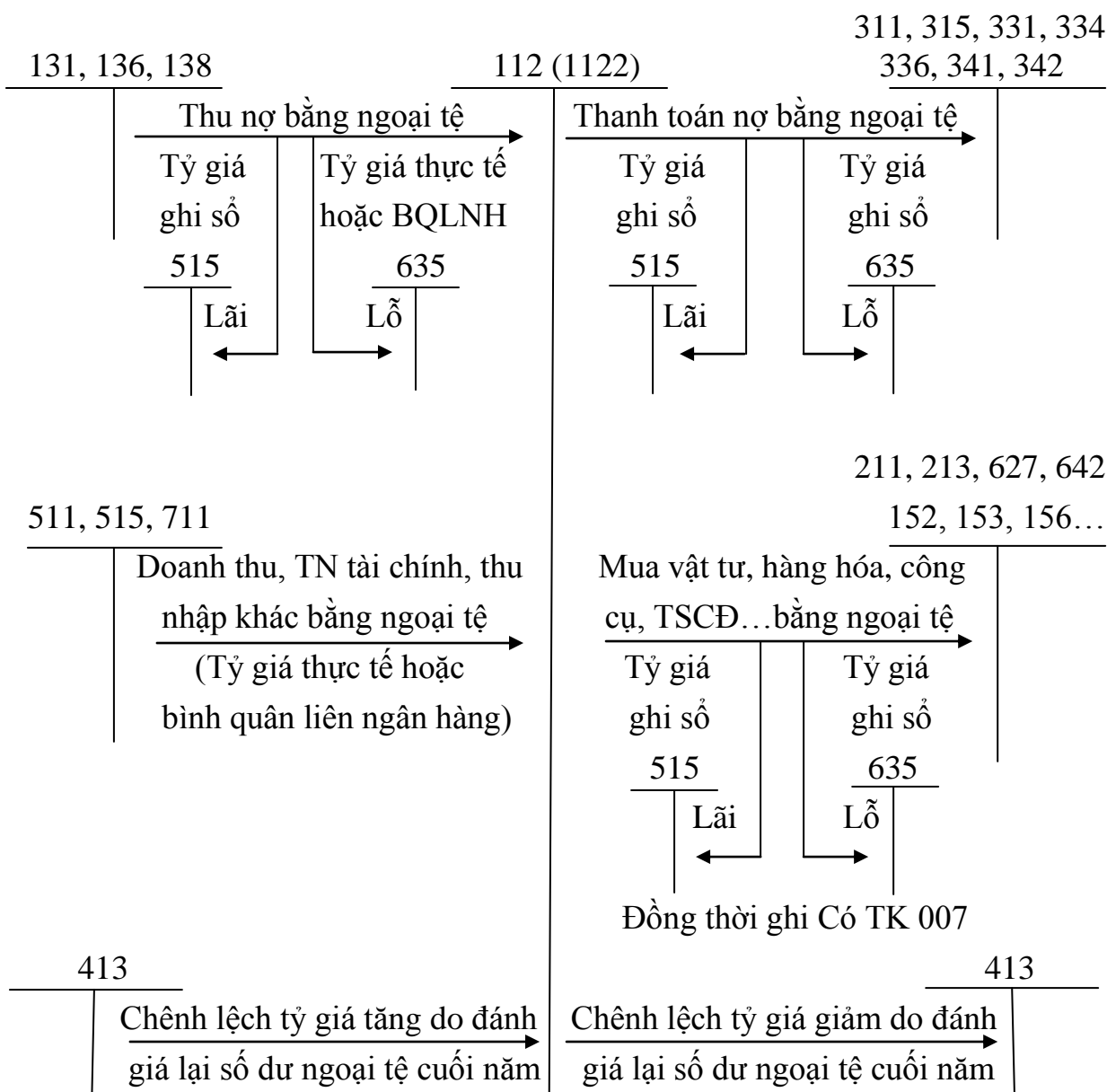
Trong hình thức Nhật ký chứng từ, số phát sinh bên Có TK 112 được phản ánh trên NKCT số 2, số phát sinh bên nợ TK 112 được phản ánh trên bảng kê số 2 - TK 112.

Trong hình thức kế toán nhật ký chung, căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phản ánh vào nhật ký chung, nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền. Đồng thời căn cứ vào nhật ký chung để vào sổ cái TK 112 và sổ cái các tài khoản liên quan.

Nếu trong hình thức chứng từ ghi sổ căn cứ vào chứng từ gốc để ghi vào Chứng từ ghi sổ từ đó căn cứ vào Sổ cái TK 112 đồng thời mở sổ tiền gửi Ngân hàng.

Ngoài ra, để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết TK 007.

Sơ đồ hạch toán tiền gửi Ngân hàng (ngoại tệ)



**Sơ đồ: Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)**

**1.2.2.3. Hạch toán kế toán tiền đang chuyển**

**1.2.2.3.1. Các quy định kế toán tiền đang chuyển.**

- Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc hoặc đã gửi qua bưu điện để chuyển qua Ngân hàng hay người được hưởng hoặc số tiền mà doanh nghiệp đã làm thủ tục chuyển từ tài khoản tiền gửi của Ngân hàng để trả cho các đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo hay bảng sao kê Ngân hàng.

- Chỉ phản ánh vào TK 111 “tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng



(không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “tiền đang chuyển”.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- + Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng.
- + Chuyển tiền cho bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- + Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay vào kho bạc Nhà Nước.

#### **1.2.2.3.2. Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.**

##### \* Tài khoản sử dụng:

- TK 113: Tiền đang chuyển có 2 tài khoản cấp 2
- + Tài khoản 1131: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- + Tài khoản 1132: Phản ánh ngoại tệ đang chuyển.

##### \* Kết cấu tài khoản.

Các khoản tiền đang chuyển được theo dõi trên tài khoản 113:

- Bên nợ:

+ Các khoản tiền Việt Nam hoặc séc, ngoại tệ séc đã nộp vào Ngân Hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân Hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có;

+ Chênh lệch tăng tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

- Bên có:

+ Số kết chuyển vào TK 112 “ Tiền gửi Ngân Hàng” hoặc TK liên quan

+ Chênh lệch giảm giá ngoại tệ do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ

- Dư nợ:

+ Số tiền đang chuyển cuối kỳ.

+ Tài khoản 113: Tiền đang chuyển có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 1131: tiền Việt Nam - phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

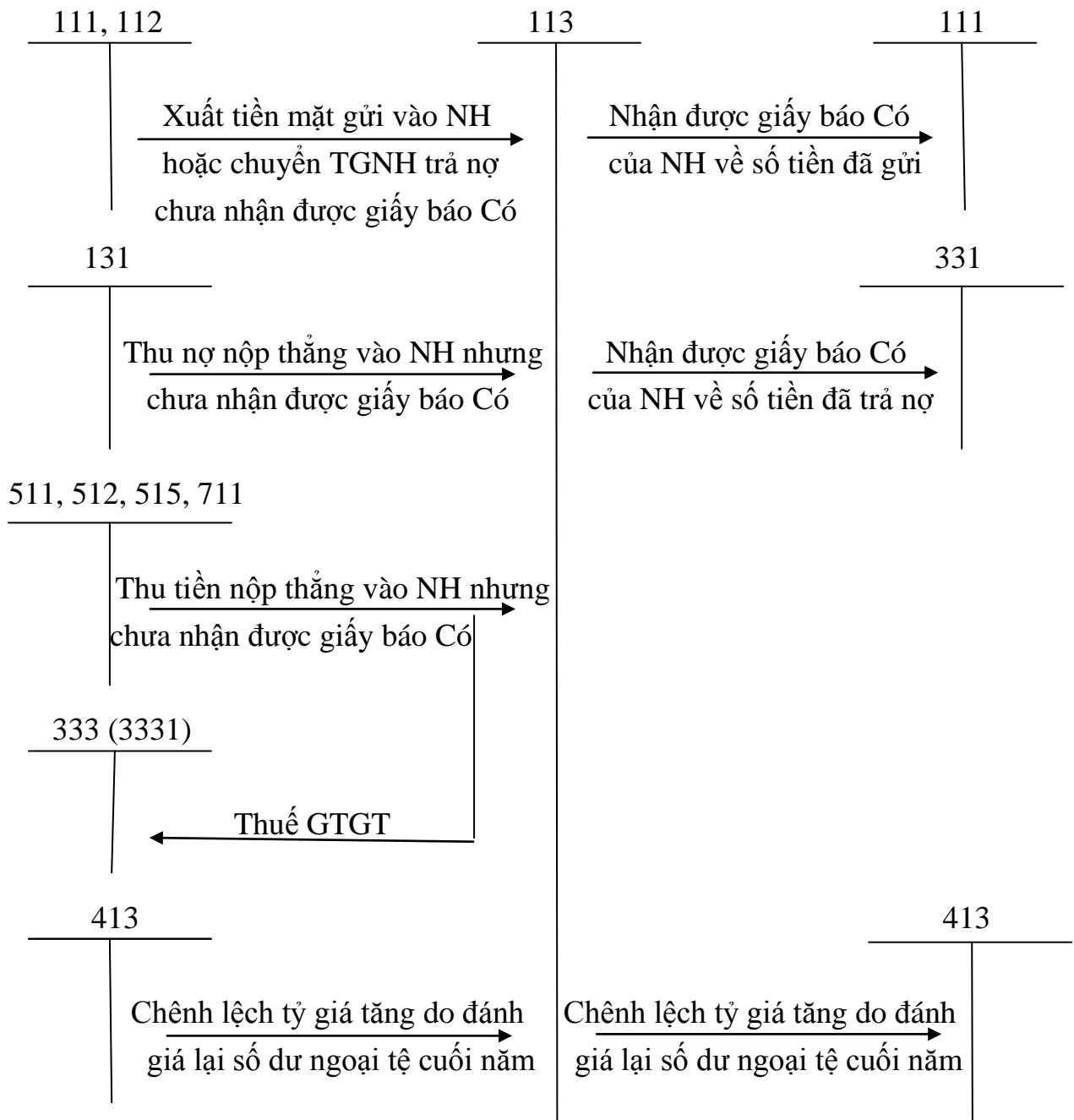
Tài khoản 1132: ngoại tệ - phản ánh ngoại tệ đang chuyển.

#### **1.2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.**

Chứng từ sử dụng để hạch toán kế toán tiền đang chuyển là:

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền,....

Sơ đồ hạch toán tiền đang chuyển:



**Sơ đồ: Hạch toán tiền đang chuyển.**

### **1.3. Hình thức ghi sổ kế toán.**

Thực hiện ghi chép vào sổ sách kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của công tác quản lý tại doanh nghiệp hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.

- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Mỗi hình thức đều có ưu nhược điểm riêng và chỉ thực sự phát huy tác dụng trong những điều kiện thích hợp.

Hiện nay có 4 hình thức ghi sổ kế toán đó là:

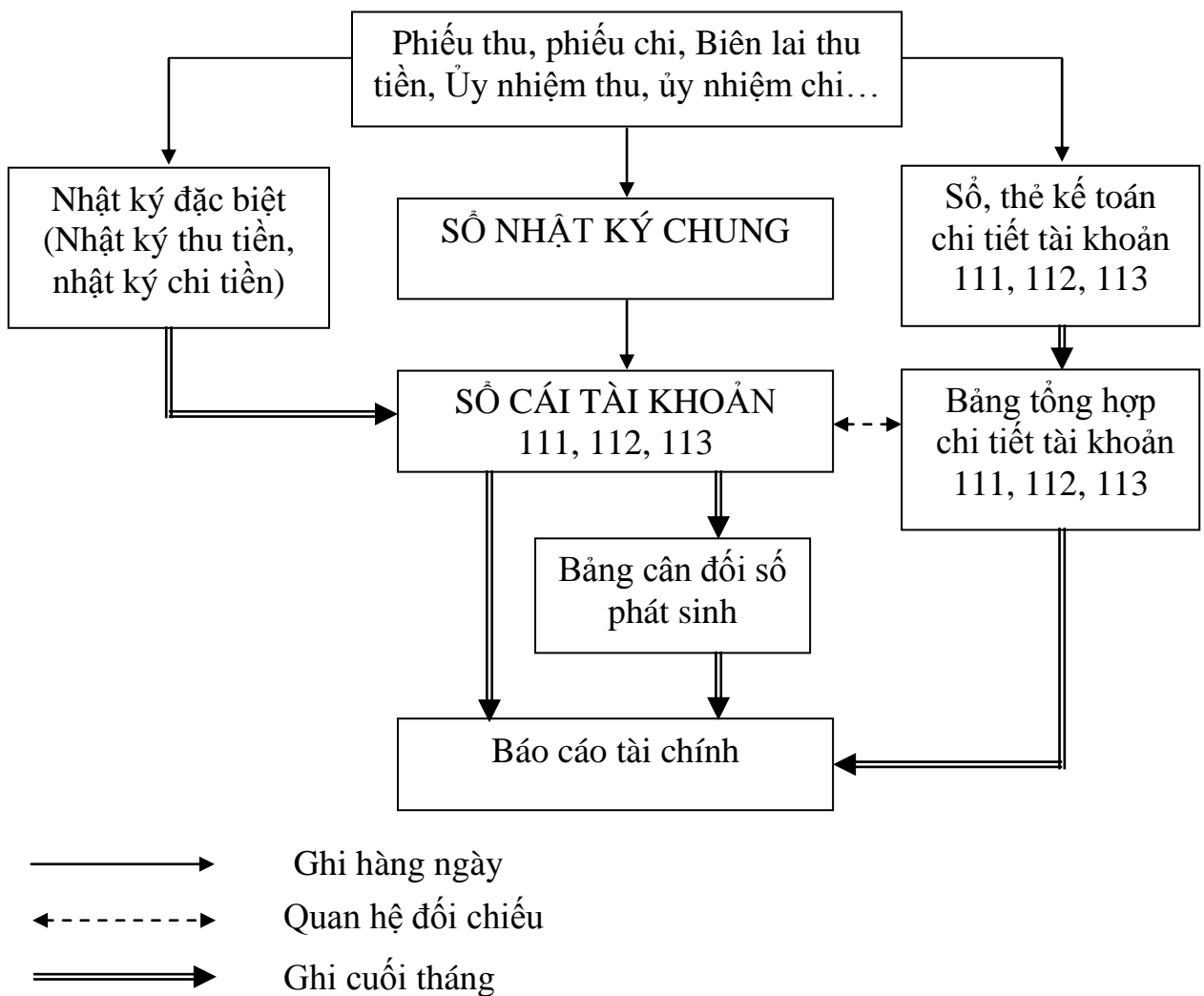
- Nhật ký chung.
- Nhật ký-Sổ cái.
- Chứng từ ghi sổ.
- Nhật ký chứng từ.

Mỗi hình thức ghi sổ có cách vào sổ và trình tự luân chuyển chứng từ khác nhau. Do đó với mỗi hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền cũng có những điểm đặc trưng riêng.

### 1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

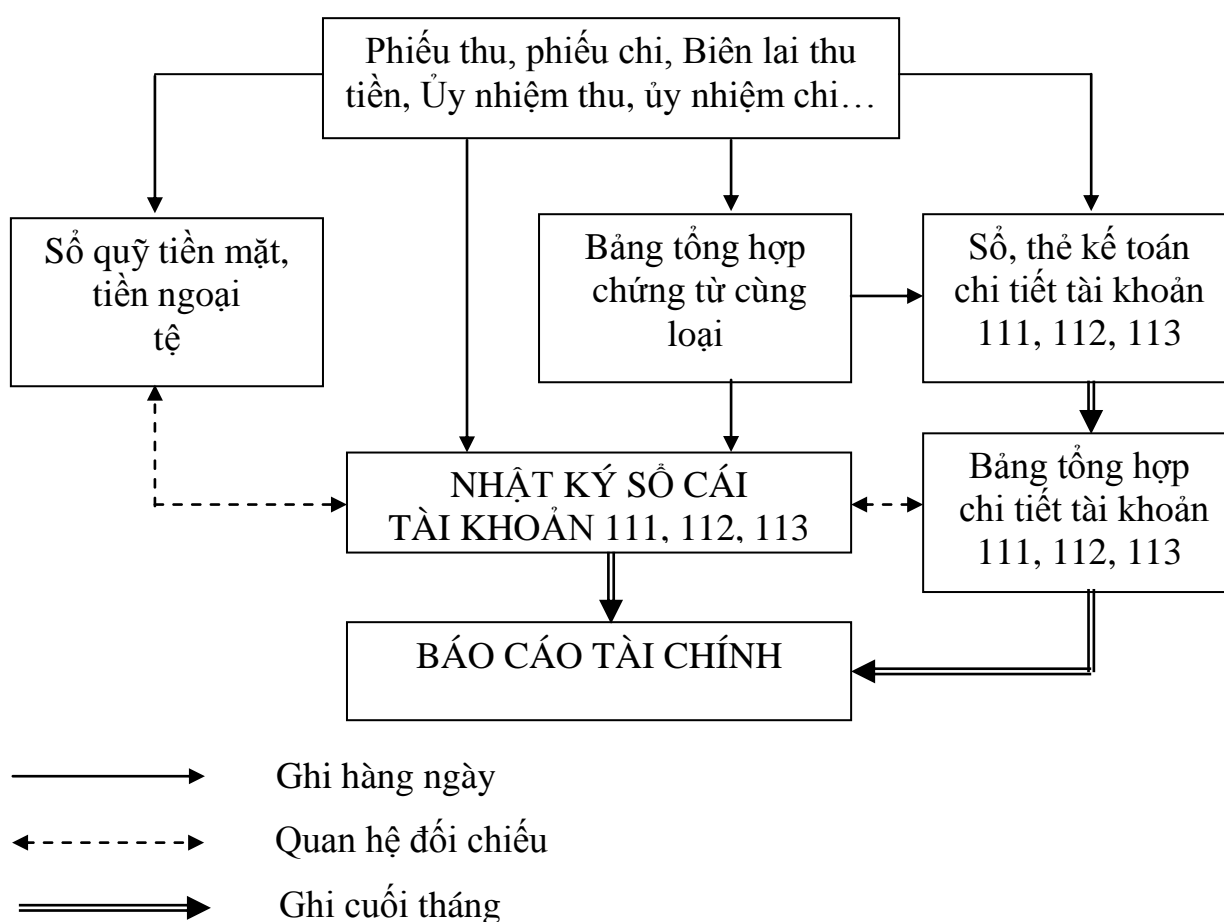
Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



### 1.3.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái



### 1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

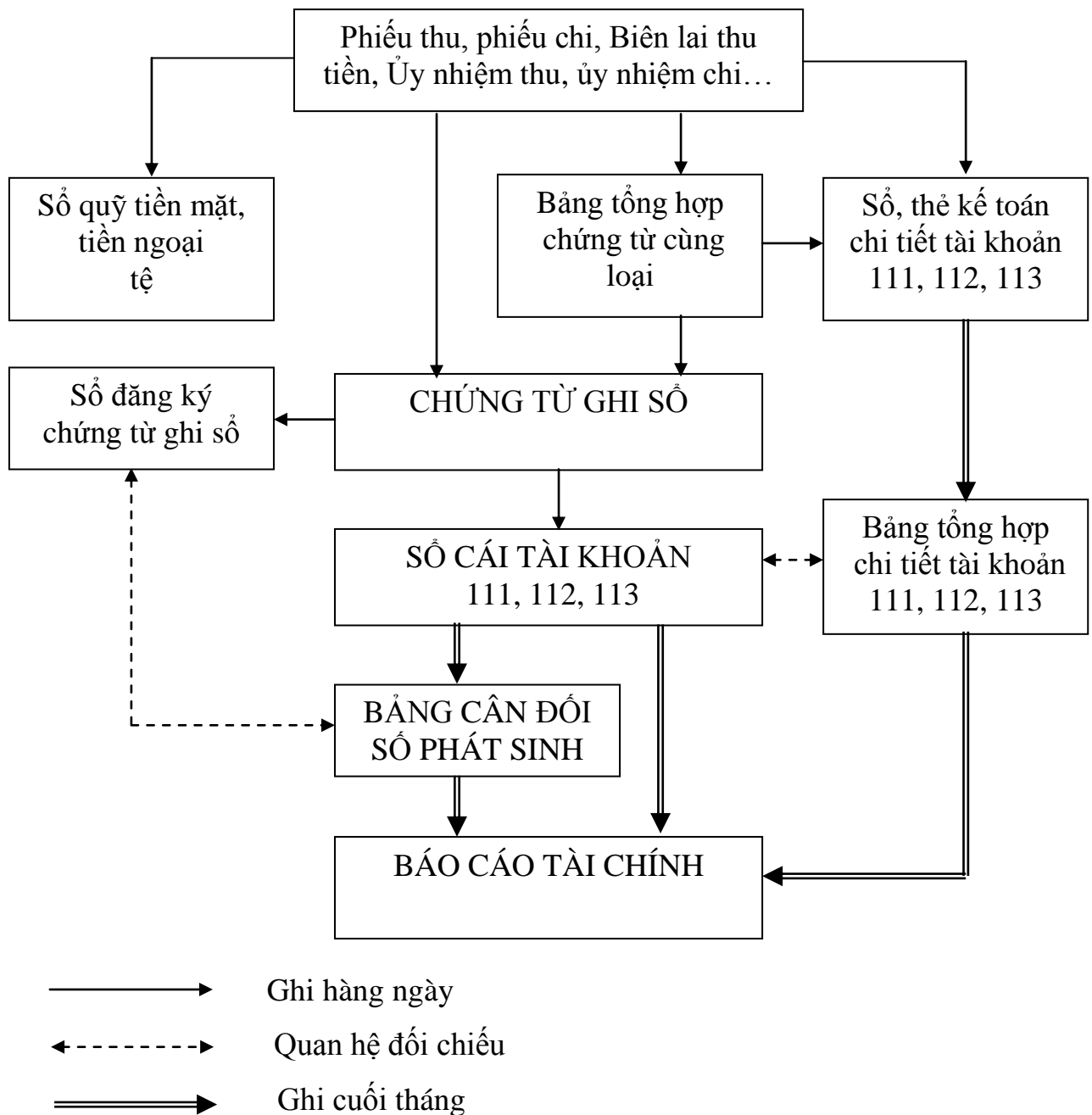
Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm

(theo thủ tục trong sổ đăng ký chứng từ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

**Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**



#### **1.3.4. Hình thức Nhật ký chứng từ**

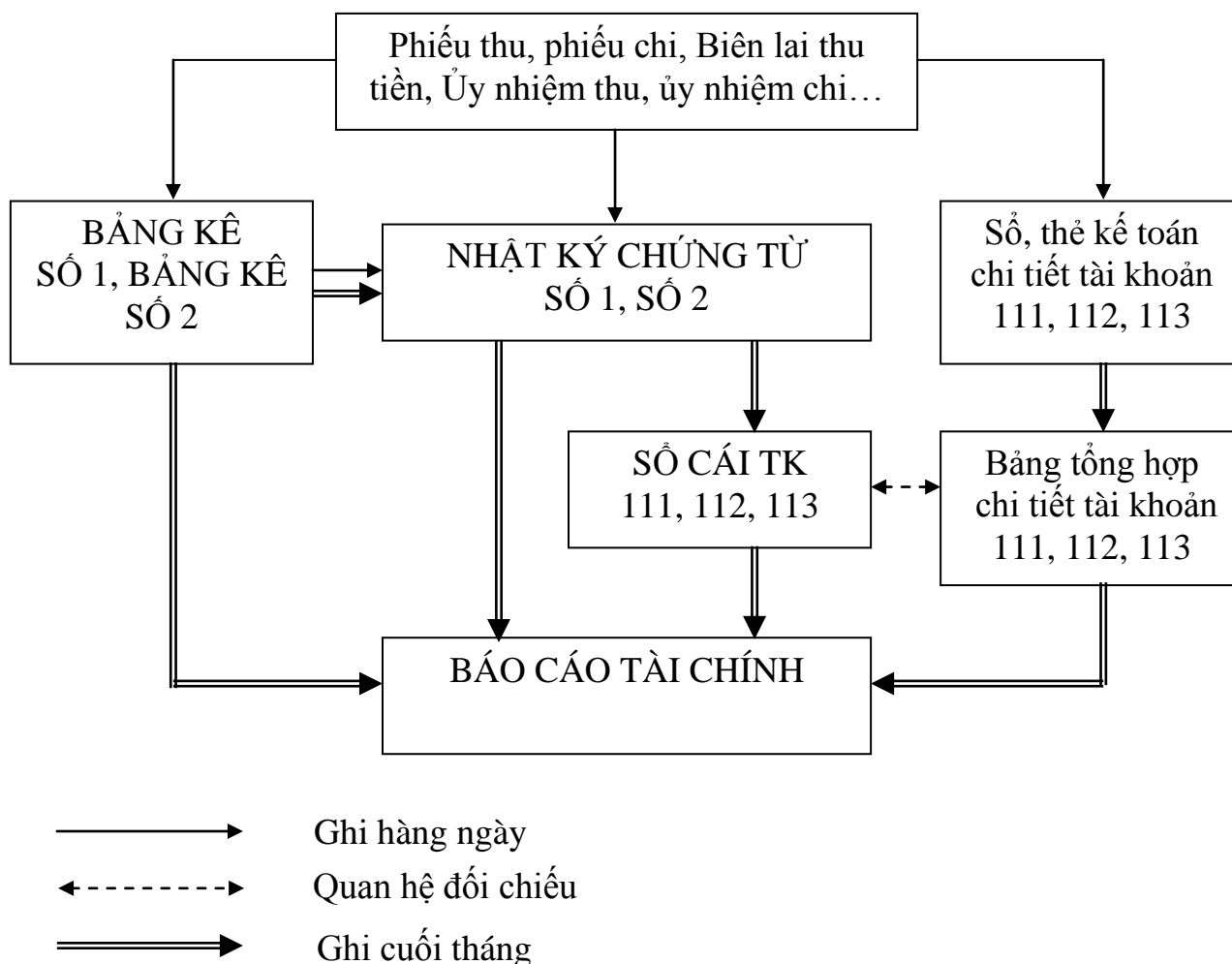
Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài

khoản)

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

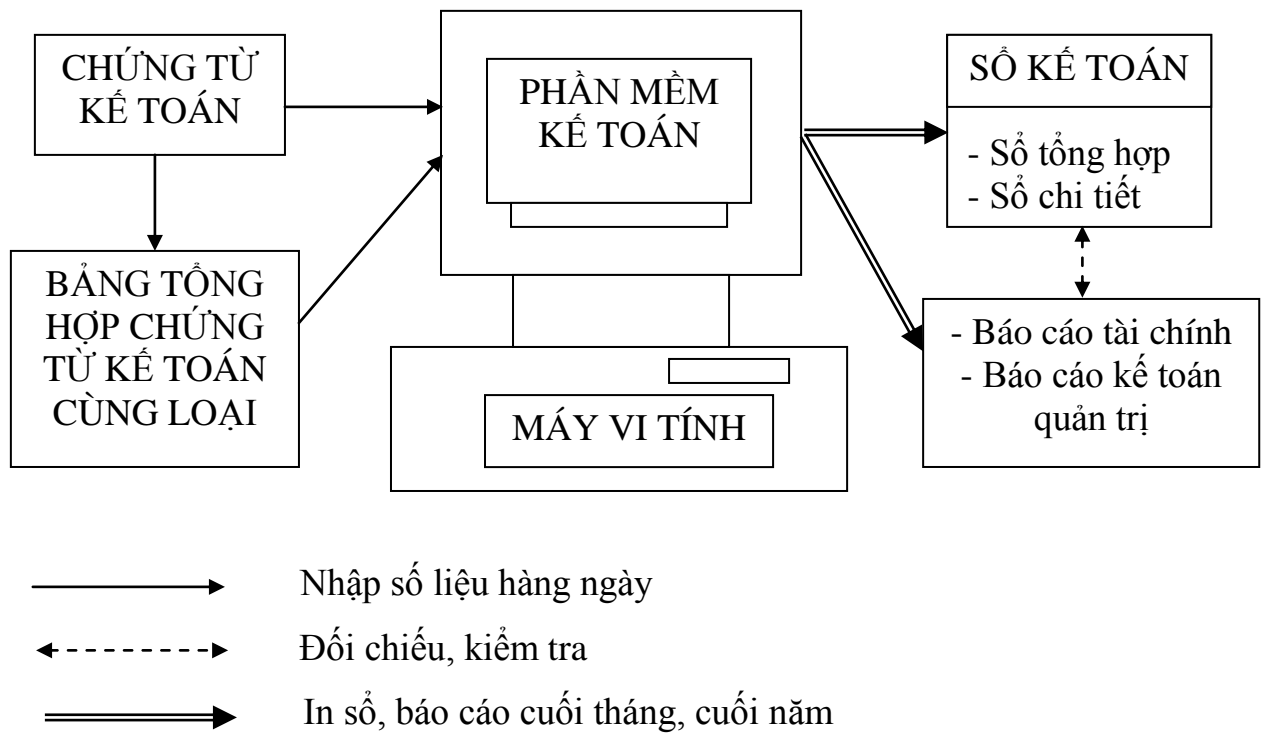
**Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ**



### 1.3.5. Hình thức Kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy





## **CHƯƠNG II:**

# **THỰC TRẠNG KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG**

### **I. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**

#### **1.1. Lịch sử phát triển của công ty**

Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng g được thành lập theo quyết định số 87/QĐ-UB ngày 10/4/1997 và quyết định đổi tên số 752/QĐ/UB ngày 10/4/2003 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty xây dựng và đầu tư hạ tầng là doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân, có tài khoản tại ngân hàng và được sử dụng con dấu theo mẫu quy định.

Năm 1997, công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai công ty xây dựng số 2 và công ty xây dựng số 4 cũ nhằm tăng thêm năng lực về vốn, thiết bị, trình độ khoa học kỹ thuật để doanh nghiệp có sức cạnh tranh đấu thầu, kỹ thuật cao và đủ điều kiện liên doanh liên kết với các đơn vị nước ngoài, đồng thời tạo sự chuyển biến về nhận thức của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường đầy mạnh công tác khai thác việc làm, đa dạng hoá sản phẩm tạo tiền đề cho sự phát triển các khu công nghiệp tập trung trong những năm tới của thành phố.

Trụ sở công ty đặt tại số 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Điện thoại : 0313 751572

Khi mới thành lập với lực lượng cán bộ công nhân viên vừa thiếu về số lượng lại vừa yếu về trình độ khoa học công nghệ, nhận thức còn nặng nề tư tưởng bao cấp, ỷ lại sự giúp đỡ tương trợ của cấp trên và các ban ngành. Hơn nữa số vốn hoạt động mỏng, gộp cả hai công ty mới được 324 triệu đồng vốn lưu động, các chủ đầu tư thanh toán chậm có lúc vốn ứ đọng từ 5 đến 7 tỷ đồng gây ảnh hưởng đến việc luân chuyển vốn. thiết bị đầu tư cho sản xuất vừa thiếu lại vừa không đồng bộ, cán bộ quản lý chưa có kinh nghiệm trên thương trường. Trong khi đó trên thị trường xây dựng luôn luôn xảy ra sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xây dựng trong thành phố và cả các doanh nghiệp ở các tỉnh bạn. Nhận thức được điều đó, ban lãnh đạo công ty đã nhanh chóng ổn định, sắp xếp bộ máy quản lý, thực hiện đào tạo lại cán bộ cũ đi đôi với việc tuyển chọn các

kỹ sư trẻ có trình độ khoa học kỹ thuật, ngoại ngữ và công nghệ thông tin, công ty thực sự đi vào sản xuất. Trong những năm qua công ty đã không ngừng phát triển và trưởng thành về mọi mặt, là một trong hai công ty nhiều năm đứng đầu của ngành xây dựng Hải Phòng. Thực hiện phương án đa dạng hoá sản phẩm, mở rộng nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đến nay phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã lớn mạnh không ngừng.

Chức năng nhiệm vụ chính của công ty

- Xây dựng công trình công nghiệp công cộng, nhà ở, thủy lợi, giao thông ( cầu, đường), công trình ngầm dưới đất dưới nước.
- San lấp mặt bằng, thi công và kinh doanh cơ sở hạ tầng.
- Thi công lắp máy, hệ thống cấp điện cấp nước.
- Kinh doanh bất động sản.
- Mua bán vật liệu xây dựng và máy móc thiết bị xây dựng.
- Tư vấn công trình xây dựng và tư vấn đầu tư giám sát thi công.
- Lắp đặt hệ thống tự động hoá và hệ thống kỹ thuật bưu điện.
- Xây dựng cầu tàu bến cảng.
- Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn (đường ống đến Ø1200).
- Chế tạo, gia công, lắp đặt các nhà công nghiệp.
- Khai thác cát.
- Nạo vét luồng lạch.

Trong nhiều năm qua công ty luôn luôn duy trì mục tiêu : phát triển công ty ngày càng vững mạnh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao về mọi mặt. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, thống nhất, tôn trọng pháp luật nộp ngân sách ngày càng cao cho nhà nước, đặc biệt không ngừng cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

Với nhận thức sâu sắc “ chất lượng tốt nhất luôn đi đôi với sự tồn tại và phát triển của công ty, phấn đấu chất lượng mỗi ngày một tốt hơn” công ty xác định sản phẩm truyền thống của công ty vẫn là các công trình xây dựng. Công ty thực hiện chính sách mở rộng thị trường, đa dạng hoá sản phẩm, đẩy mạnh thực

hiện các dự án lớn và kiểm soát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.

Công ty đặc biệt quan tâm đến sự trao đổi thông tin hai chiều giữa chủ đầu tư và công ty để nhanh chóng biết được các yêu cầu của chủ đầu tư với công trình công ty đang thi công để có biện pháp khắc phục sớm.

Công ty chủ trương đưa khoa học kỹ thuật vào thực tế thi công, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào công trình như : cốt pha sắt, nhựa định hình, công nghệ bê tông thương phẩm...

Đặc biệt công ty có trách nhiệm đối với sản phẩm của mình trong suốt thời kỳ thi công , khi bàn giao và trong thời gian bảo hành công trình. Chính vì vậy trong những năm qua công ty đã thi công được nhiều công trình được chủ đầu tư đánh giá cao, được bộ xây dựng tặng thưởng huy chương vàng chất lượng cao. Uy tín của công ty ngày càng được củng cố trên thị trường xây dựng Hải Phòng và tại các tỉnh bạn.

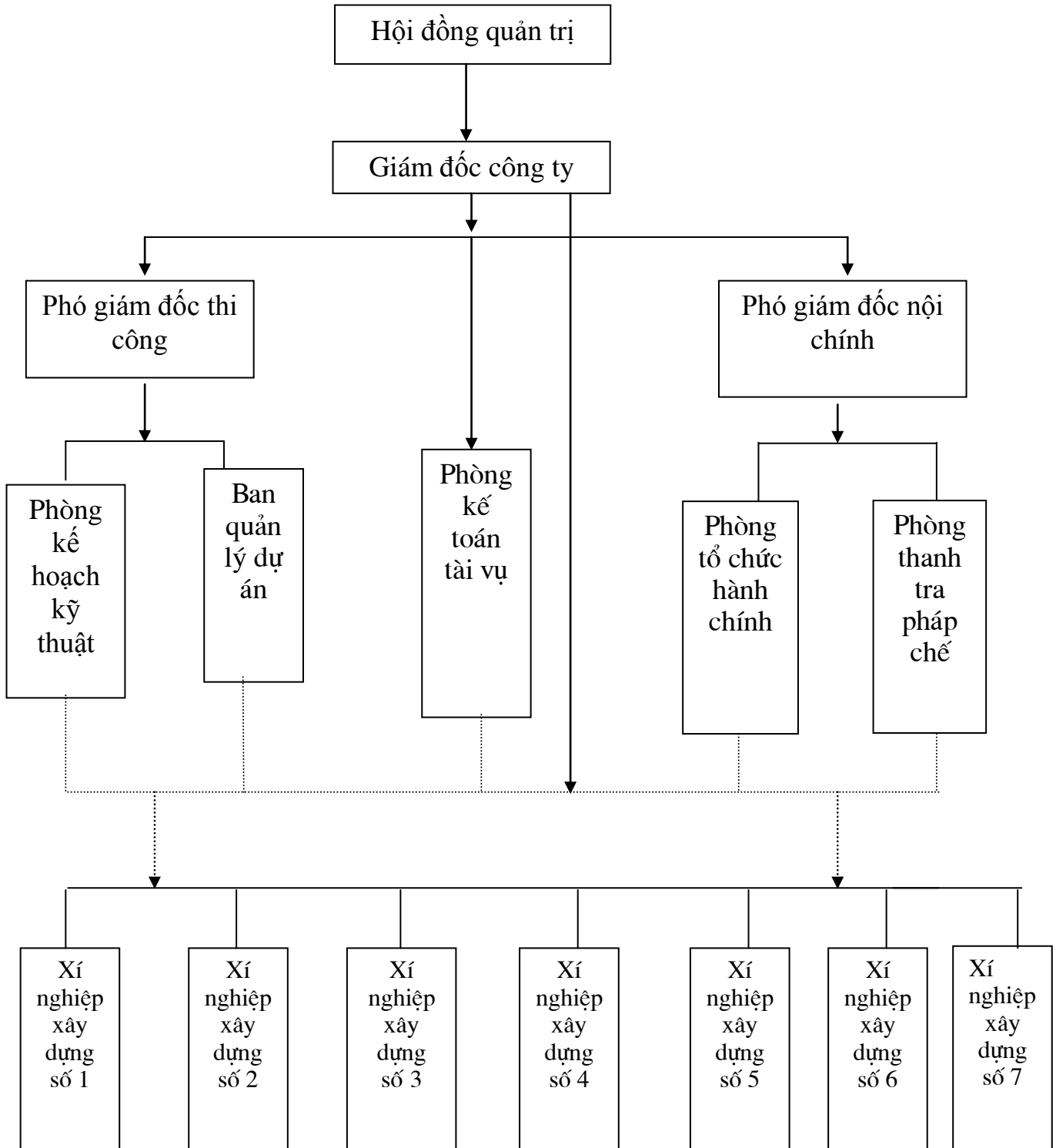
Đặc biệt công ty được uỷ ban nhân dân thành phố tín nhiệm cho làm chủ đầu tư dự án xây dựng các kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, đến nay dự án hoàn thành đã mang lại nhiều lợi ích lớn cho thành phố và bản thân các doanh nghiệp đầu tư vào cụm công nghiệp. Sự ô nhiễm môi trường do trước đây các doanh nghiệp nằm trong nội thị đã không còn nữa, các doanh nghiệp đã được sản xuất tập trung trong cụm công nghiệp phát huy hiệu quả cao mỗi tháng bình quân nộp cho ngân sách thành phố gần 30 tỷ đồng.

Có được kết quả trên là do : sự lãnh đạo sáng suốt mang tính chiến lược của Đảng uỷ công ty. Sự đoàn kết nhất trí cao từ ban lãnh đạo công ty đến tập thể cán bộ công nhân viên. Sự nỗ lực của từng thành viên trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã chủ động sáng tạo trong khâu tìm kiếm công ăn việc làm và chỉ đạo thực hiện thi công có hiệu quả. Bộ máy các phòng ban ổn định và hoạt động đi vào nề nếp. Công ty đã áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù năm 2005 và các năm trước đó có nhiều khó khăn về vốn, giá cả vật liệu thị trường biến động nhưng công ty đã đạt được các chỉ tiêu kinh tế -Xã hội do thành phố giao thể hiện mức tăng trưởng cao. Thương hiệu của công ty ngày

càng được củng cố trên thị trường xây dựng Hải Phòng và các tỉnh bạn

## 1.2. Bộ máy tổ chức trong Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng Sơ

**đồ 2.1: cơ cấu tổ chức bộ máy sản xuất**



- **Hội đồng quản trị** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

- + Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
- + Quyết định phương án phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- + Bổ nhiệm miễn nhiệm, cách chức Giám đốc và các cán bộ quan trọng khác của Công ty

- + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp cổ phần của các doanh nghiệp khác

- **Giám đốc**: là người đứng đầu, đại diện cho tư cách pháp nhân của Công ty và là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Phó giám đốc thi công** chịu trách nhiệm điều hành và giải quyết những vấn đề ngoài công trường và công việc thi công, nghiên cứu các phương án thi công khả thi nhất. Phó giám đốc thi công giúp giám đốc chỉ huy mọi hoạt động của công trường

- **Phó giám đốc nội chính** chịu trách nhiệm điều hành và giải quyết những vấn đề thuộc nội bộ Công ty, nghiên cứu thu thập các thông tin thị trường và hoạt động của Công ty ngoài thị trường. Phó giám đốc giúp giám đốc chỉ huy mọi hoạt động của Công ty..

- **Phòng kế hoạch kỹ thuật** đề ra các phương án thi công khả thi, đảm bảo công việc ổn định với tiến độ đã đề ra, theo dõi chất lượng thi công, phát hiện các sai sót trong quá trình thi công

- **Ban quản lý dự án điều hành dự án**

- **Phòng tổ chức hành chính**: là cơ quan chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong công tác tổ chức văn thư, bảo hiểm lao động và các công tác hành chính khác, theo đúng pháp luật, đúng quy định của Nhà nước

- **Phòng thanh tra pháp chế** theo dõi những hoạt động về hành chính của công ty, phát hiện sai sót trong công tác quản lý để nhanh chóng khắc phục đưa

công ty hoạt động ổn định

- **Phòng kế toán:** là cơ quan chuyên môn giúp Giám đốc Công ty trong việc quản lý tài chính, xây dựng các kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn, thực hiện công tác kế toán thống kê của Công ty. Quản lý và thực hiện chặt chẽ chế độ tài vụ của Công ty theo đúng nguyên tắc quy định của Nhà nước và ban giám đốc của Công ty. Hoàn thành việc quyết toán sổ sách và báo cáo tài chính, lưu trữ và bảo mật hồ sơ chứng từ...Thực hiện đúng nguyên tắc về chế độ tiền lương, thưởng theo quy định. Quản lý trực tiếp các quỹ của công ty, theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình tài chính cho giám đốc.

- **Các xí nghiệp** : điều động công nhân thi công trực tiếp ngoài công trường dưới sự chỉ đạo của các giám đốc xí nghiệp.

Bộ máy sản xuất kinh doanh của công ty xây dựng và đầu tư Hải Phòng được bố trí gồm ban giám đốc, phòng ban, đội sản xuất bao gồm :

45 kỹ sư xây dựng và CN

10 kỹ sư máy xây dựng

25 cử nhân kinh tế + tin học ngoại ngữ+ quản trị doanh

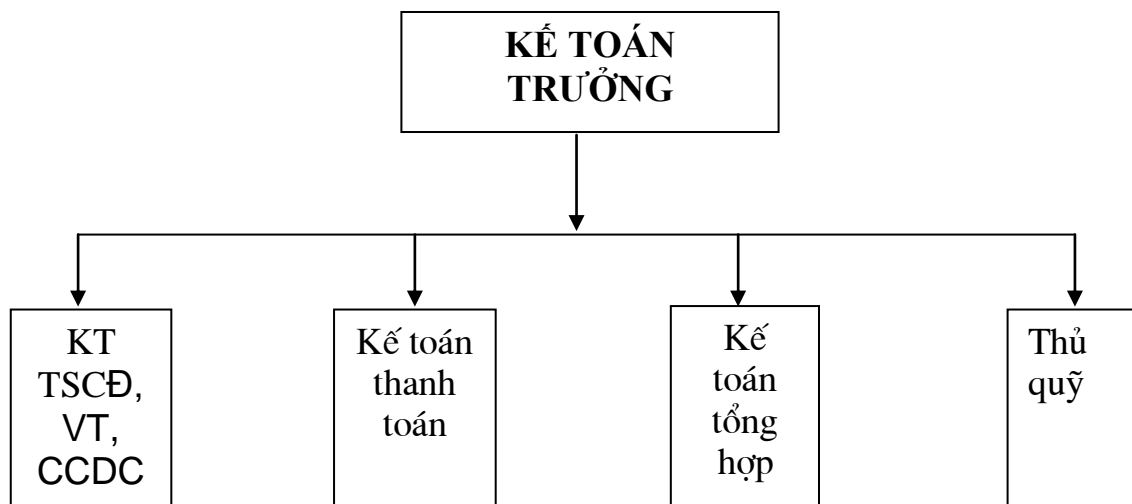
7 cán bộ trung cấp và hơn 700 công nhân

### **3. Đặc điểm về tổ chức bộ máy và hình thức kế toán của công ty**

Bộ máy kế toán của công ty gồm 5 người, được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung. Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý phù hợp với yêu cầu quản lý và trình độ kế toán tại công ty.

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức nhật ký chung, phương pháp hạch toán hàng tồn kho mà công ty đang áp dụng là kê khai thường xuyên, kỳ kế toán ghi sổ là từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12

**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán**



-Kế toán trưởng : phụ trách chung công tác kế toán, chịu trách nhiệm trước giám đốc và cấp trên về mọi mặt hoạt động kinh tế của công ty

-Kế toán TSCĐ, vật tư, công cụ dụng cụ: Thực hiện các bước công việc liên quan đến nhập, xuất kho công cụ dụng cụ, vật tư, tăng giảm TSCĐ qua mua sắm mới, bán, thanh lý, điều chuyển nội bộ công ty ....

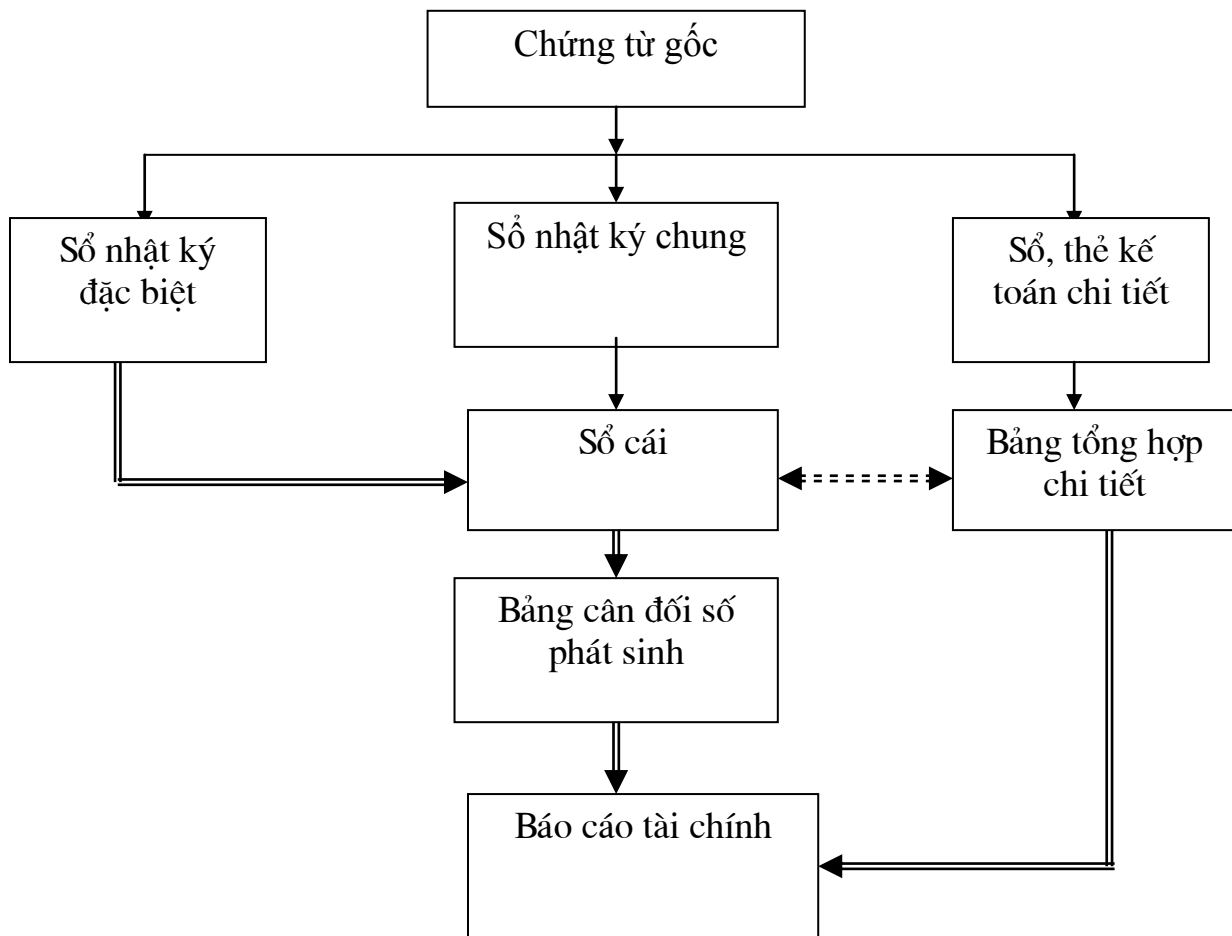
- Kế toán thanh toán: Tiến hành tính lương,BHXH,BHYT,KPCĐ cho người lao động theo chế độ. Định kì lập báo cáo tình hình sử dụng quỹ lương và thu nhập bình quân của người lao động. Thanh toán các khoản với người lao động ngoài công ty .

-Kế toán tổng hợp : Thực hiện kết chuyển giữa các tài khoản liên quan, tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh .trong kỳ. Định kì lập báo cáo quản trị, báo cáo tài chính.

-Thủ quỹ : Căn cứ phiếu thu,chi do kế toán lập,tiến hành thu, chi tiền mặt để ghi vào sổ quỹ.Cuối ngày tập hợp chứng từ chuyển cho kế toán tổng hợp, khoá sổ quỹ, đối chiếu số liệu trên sổ quỹ với sổ cái và sổ chi tiết của các loại tiền mặt tương ứng.

Với mô hình tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý nói trên, công ty đã có điều kiện thuận lợi quản lý chặt chẽ về mặt kinh tế kĩ thuật cũng như tổ chức quản lý đến từng đội, từng công trình đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất thi công .

**Sơ đồ 2.3 : trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung**



**Ghi chú:** —————> Ghi hàng ngày  
=====> Ghi cuối tháng  
<-----> Ghi đối chiếu

Phòng kế toán tài vụ có chức năng thu thập xử lý và cung cấp thông tin kinh tế, qua đó kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, kiểm tra về sử dụng, bảo vệ tài sản, vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh và chủ động tài chính của công ty.



## **II. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**

### **2.1. Kế toán tiền mặt**

#### **2.1.1. Đặc điểm về tiền mặt của Công ty**

*Tiền mặt:* Được lưu trữ và quản lý tại quỹ của Công ty. Tiền mặt tại quỹ của Công ty chỉ có tiền Việt nam đồng, không có ngoại tệ. Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt nhiều và giá trị không lớn, chủ yếu là các nghiệp vụ tạm ứng, thanh toán lương các khoản phụ cấp lương, BHXH cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra đối với những khoản thanh toán cho nhà cung cấp và cho khách hàng với số tiền không lớn hoặc những hợp đồng kinh doanh nhỏ lẻ, Công ty cũng sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt.

Các nghiệp vụ tiền mặt luôn được ghi chép phản ánh hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh những khoản thu khoản chi xuất nhập quỹ và có thể tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm. Tiền mặt tại quỹ của công ty luôn dao động trong một khoảng giá trị nhất định để đảm bảo được mức tồn quỹ tối ưu nhất. Nhờ vậy Công ty luôn chủ động trong quá trình thanh toán và tránh ứ đọng nguồn vốn giúp cho vòng lưu chuyển tiền nhanh hơn.

Để nâng cao tính an toàn của tiền mặt tại quỹ tránh những gian lận sai sót đáng tiếc có thể xảy ra, công ty tiến hành kiểm kê quỹ một năm một lần. Ngoài những đợt kiểm kê định kỳ để tính an toàn của tiền mặt tại quỹ được nâng cao hơn, công ty còn tiến hành các đợt kiểm kê quỹ đột xuất.

#### **2.1.2. Tài khoản sử dụng**

Tại quỹ của Công ty chỉ gồm loại tiền duy nhất là tiền Việt nam đồng không có ngoại tệ và vàng bạc đá quý nên Công ty chỉ sử dụng một loại tài khoản duy nhất để hạch toán tiền mặt của công ty là **TK 111: - Tiền mặt** và được chi tiết thành **TK 1111 - Tiền mặt tại quỹ**

Đối với tiền gửi ngân hàng, kế toán sử dụng **TK 112: - Tiền gửi ngân hàng** để theo dõi TGNH theo từng ngân hàng kế toán mở thêm tài khoản cấp 2 là: **TK 1121 - Tiền gửi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng.**

Kế toán mở sổ chi tiết TGNH để theo dõi chi tiết tình hình tăng

giảm và số dư tiền của Công ty tại từng ngân hàng.

### **2.1.3. Chứng từ sử dụng**

Tiền mặt là số vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của Công ty. Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại Công ty được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

Thủ quỹ đảm nhận việc thu chi tiền mặt ở quỹ của Công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký người thu, người nhận, người cho phép xuất nhập quỹ, sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt (*riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị*). Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Phiếu chi được kèm với HĐGTGT ( Liên 2: Giao cho khách hàng)

Phiếu thu được kèm với HĐGTGT ( Liên 3: Nội bộ)

✓ *TK sử dụng: 111- Tiền mặt*

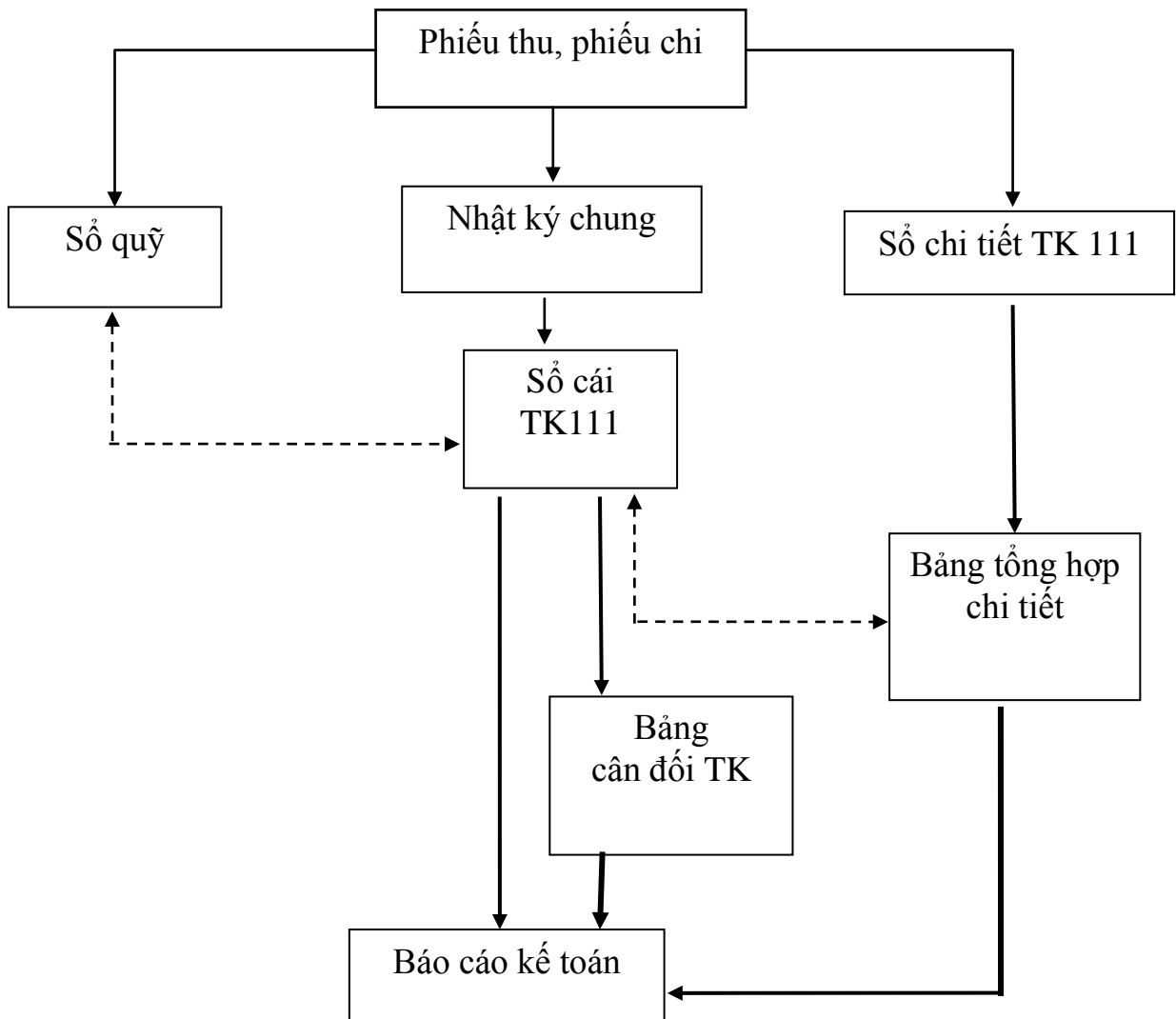
✓ *Các chứng từ và sổ sách Công ty sử dụng trong kế toán tiền mặt:*

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Giấy nộp tiền
- Giấy thanh toán tiền.
- Biên lai thu tiền
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Sổ quỹ tiền mặt.
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản

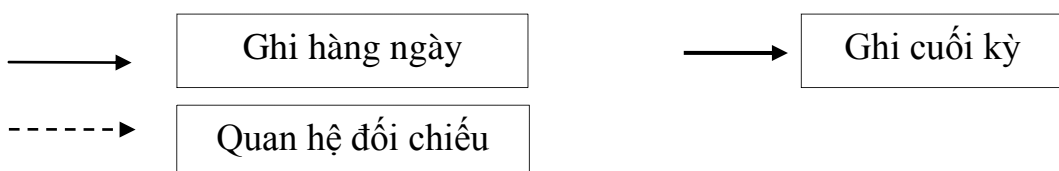
- Sổ kế toán chi tiết liên quan

✓ Quy trình luân chuyển chứng từ:

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.5) :



Ghi chú:



#### Sơ đồ 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng hoặc mua hàng để lập phiếu thu, phiếu chi; sau đó phiếu thu hoặc

phiếu chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung sẽ vào sổ cái tiền mặt; cuối mỗi quý, căn cứ vào sổ chi tiết và sổ cái đã lập kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và báo cáo kế toán cho quý đó.

#### **2.1.4. Kế toán tiền mặt**

##### **a. Kế toán thu tiền mặt**

Các nguồn thu chủ yếu của Công ty bao gồm :

- Thu từ việc bán hàng hoá, kinh doanh dịch vụ
- Thu tạm ứng
- Thu lãi từ tiền gửi Ngân hàng
- Các khoản thu khác

Tháng 10 năm 2009 Công ty xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản thu sau đây em xin trích dẫn một số nghiệp vụ chủ yếu :

##### **Nghiệp vụ 1 :**

Ngày 18/10/2009, Cty TNHH xây dựng dân dụng Âu Lạc thanh toán tiền hàng còn nợ cho Công ty theo HĐ0041394 mua từ ngày 14/08/2009. Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0041394 (Liên 3 : Nội bộ - biểu 2.1), kế toán viết phiếu thu số PT732 (biểu 2.2)

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cống ø200 bê tông cốt thép	m	200	50.000	10.000.000
2	Cống ø100 bê tông cốt thép	m	100	30.000	3.000.000
Cộng tiền hàng:					13.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.300.000
Tổng cộng tiền thanh toán					14.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 2.1 : Hoá đơn GTGT 0041394

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư  
hạ tầng**  
**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

*Mẫu số 01-TT*  
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Số: PT732

*Ngày 18 tháng 10 năm 2009*

NỢ: 111

CÓ: 131

Họ và tên người nộp tiền: Cty TNHH xây dựng dân dụng Âu Lạc

Địa chỉ: 215/66 Đại lộ Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán hợp đồng HĐ0041394

Số tiền: 14.300.000đ

Viết bằng chữ : Mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ0041394 .....chứng từ kế toán.....

*Ngày 18 tháng 10 năm 2009*

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nộp</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):* Mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng chẵn

***Biểu 2.2 : Phiếu thu tiền mặt PT732***

**Nghiệp vụ 2 :**

Ngày 31/10/2009, ông Phạm Văn Lâm nộp tiền mặt nhập quỹ kinh doanh số tiền là 600.000.000đ có giấy nộp tiền như sau (biểu 2.5):

<b>GIẤY NỘP TIỀN</b>		
Họ và tên : Phạm Văn Lâm		
Bộ phận công tác : Giám đốc xí nghiệp 7		
Số tiền nộp bằng số : 600.000.000		
Bằng chữ : Sáu trăm triệu đồng chẵn.		
Nội dung : Góp vốn kinh doanh		
<i>Hải Phòng, ngày 31 tháng 10 năm 2009</i>		
<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nộp</b>

***Biểu 2.3 : Giấy nộp tiền***

Căn cứ vào giấy nộp tiền kế toán viết phiếu thu số PT739(biểu 2.6) với nội dung Nộp tiền nhập quỹ kinh doanh.

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu  
tur hạ tầng**  
**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải  
Phòng**

*Mẫu số 01-TT*  
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Số: PT739

*Ngày 31 tháng 10 năm 2009*

NỢ: 111

CÓ: 4111

Họ và tên người nộp tiền: Phạm Văn Lãm

Địa chỉ: Giám đốc xí nghiệp 7

Lý do nộp: Nộp tiền mặt nhập quỹ kinh doanh

Số tiền: 600.000.000đ

*Viết bằng chữ :* Sáu trăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo.....chứng từ kế toán.....

*Ngày 31 tháng 10 năm 2009*

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nộp</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
(Ký, họ tên)				

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):* Sáu trăm triệu đồng chẵn.

***Biểu 2.4 : Phiếu thu tiền mặt PT739***

**Nghiệp vụ 3:**

Ngày 24/10/2009 Trường dạy nghề trung tâm 3 thanh toán tiền mua cọc bê tông đúc sẵn có HĐGTGT 0041420 (biểu 2.3) , căn cứ vào hoá đơn này kế toán viết phiếu thu số PT736 (biểu 2.4)



STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cọc bê tông đúc sẵn 250x250	m	7000	230.000	1.610.000.000
Cộng tiền hàng:					1.610.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			161.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.771.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ bảy trăm bảy mươi một triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

**Biểu 2.5 : Hoá đơn GTGT 0041420**

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư  
hạ tầng**  
**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

*Mẫu số 01-TT*  
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Số: PT736

Ngày 24 tháng 10 năm 2009

NỢ: 111

CÓ: 511; 3331

Họ và tên người nộp tiền: Trường dạy nghề trung tâm 3

Địa chỉ: 260 Nghi Tàm - Tây Hồ - Hà Nội

Lý do nộp: Thanh toán tiền cọc bê tông

Số tiền: 1.771.000.000 đ

Viết bằng chữ : Một tỷ bảy trăm bảy mươi một triệu đồng chẵn..

Kèm theo: HĐ 0041420...chứng từ kế toán.....

Ngày 24 tháng 10 năm 2009

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nộp</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
(Ký, họ tên)				

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một tỷ bảy trăm bảy mươi một triệu đồng chẵn..*

***Biểu 2.6: Phiếu thu tiền mặt PT736***

***b. Kế toán chi tiền mặt***

Các nguồn chi chủ yếu của Công ty bao gồm :

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên
- Chi trả nợ cho người bán và Ngân hàng
- Chi các khoản nộp ngân sách Nhà nước
- Các khoản chi khác

**Nghiệp vụ 1:**

Ngày 19/10/2009, Anh Phạm Văn Hùng đề nghị tạm ứng tiền sửa chữa máy trộn bê tông của Công ty với số tiền là 4.500.000 đồng. Có giấy đề nghị tạm ứng như sau (biểu 2.9). Sau khi được sự đồng ý tạm ứng của Tổng giám đốc và kế toán trưởng thì kế toán tiền hành lập phiếu chi 359 (biểu 2.10) và thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi đó chi tiền cho người đề nghị tạm ứng.

<b>Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng</b>	<b>Mẫu số 03 - TT</b>		
<b>Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng</b>	<b>Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC</b>		
	<b>Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng</b>		
	<b>BTC</b>		
<b>GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG</b> <i>Ngày 19 tháng 10 năm 2009</i>			
<b>Kính gửi: Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng</b>			
<b>Tên tôi là: Phạm văn Hùng</b>			
<b>Địa chỉ: Phòng kỹ thuật</b>			
<b>Đề nghị cho tôi tạm ứng số tiền: 4.500.000đ</b>			
<b>Viết bằng chữ: Bốn triệu năm trăm ngàn đồng chẵn</b>			
<b>Lý do tạm ứng: Sửa chữa máy trộn bê tông</b>			
<b>Thời hạn thanh toán: 30/11/2009</b>			
<b>Kèm theo.....chứng từ gốc</b>			
<i>Hải Phòng, ngày 19 tháng 10 năm 2009</i>			
Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người đề nghị tạm ứng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

***Biểu 2.7 : Giấy đề nghị tạm ứng***

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư  
hạ tầng**  
**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

*Mẫu số 02-TT*  
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Số: PC359

*Ngày 19 tháng 10 năm 2009*

NỢ: 141

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: Phạm văn Hùng

Địa chỉ: phòng kỹ thuật

Lý do chi: Tạm ứng

Số tiền: 4.500.000

Viết bằng chữ Bốn triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo.....chứng từ gốc.....

*Ngày 19 tháng 10 năm 2009*

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.*

***Biểu 2.8 : Phiếu chi tiền mặt PC359***

**Nghiệp vụ 2 :**

Ngày 21/10/2009, Công ty mua đồ điện của Công ty Cổ phần Thương mại Hùng Thanh có HĐGTGT như sau (biểu 2.11). Căn cứ vào HĐGTGT của đơn vị bán hàng cung cấp, kế toán của Công ty lập phiếu chi PC361 để thanh toán (biểu 2.12)

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>MT/2008B</b>			
Liên 2: Giao cho khách hàng		<b>0006692</b>			
Ngày 21 tháng 10 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Thương mại Hùng Thanh					
Địa chỉ: 23 Tôn Đản- Hồng Bàng - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:	MS:	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value=""/>		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng					
Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM	MS:	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value=""/>		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Dây đơn ø10	m	300	10.000	3.000.000
2	Dây đơn ø2	m	200	4.500	900.000
3					
Cộng tiền hàng:					
3.900.000					
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			
390.000					
Tổng cộng tiền thanh toán					
4.290.000					
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng vị (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

**Biểu 2.9: Hoá đơn GTGT0006692**

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư  
hạ tầng**  
**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

*Mẫu số 02-TT*  
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Số: PC361

*Ngày 21 tháng 10 năm 2009*

NỢ: 156; 1331

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: Công ty Cổ phần Thương mại Hùng Thanh

Địa chỉ: 23 Tôn Đản- Hồng Bàng - Hải Phòng

Lý do chi: Trả tiền hàng

Số tiền: 4.290.000 đ

Viết bằng chữ : Bốn triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng chẵn.

Kèm theo...HĐ0006692...chứng từ gốc.....

*Ngày 21 tháng 10 năm 2009*

<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	----------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):* Bốn triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng chẵn.

***Biểu 2.10: Phiếu chi tiền mặt PC361***

**Nghiệp vụ 3 :**

Ngày 24/10/2009, Công ty mua cửa nhôm cuốn của Công ty TNHH Bảo Phúc có HĐGTGT như sau (biểu 2.11). Căn cứ vào HĐ GTGT của đơn vị bán hàng cung cấp, kế toán của Công ty lập phiếu chi PC364 để thanh toán (biểu 2.12)

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01 GTKT-3LL <b>MT/2008B</b> <b>0006692</b>															
Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 24 tháng 10 năm 2009																	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Bảo Phúc Địa chỉ: Km7+700 Đường Hà Nội- Hồng Bàng- Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>9</td><td>2</td><td>9</td><td>7</td><td>0</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>				0	2	0	0	5	9	2	9	7	0				
0	2	0	0	5	9	2	9	7	0								
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>4</td><td>0</td><td>8</td><td>0</td><td>0</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>				0	2	0	0	6	4	0	8	0	0				
0	2	0	0	6	4	0	8	0	0								
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Cửa nhôm cuốn	m2	30	1.205.000	36.150.000												
Cộng tiền hàng: 36.150.000																	
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT: 3.615.000														
Tổng cộng tiền thanh toán 39.765.000																	
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn																	
Người mua hàng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng  <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng  <i>Ký, ghi rõ họ tên)</i>													
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																	

***Biểu 2.11 : Hoá đơn GTGT0006692***

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư  
hạ tầng**

**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

*Mẫu số 02-TT*  
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Số: PC364

*Ngày 24 tháng 10 năm 2009*

NỢ: 156; 1331

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Bảo Phúc

Địa chỉ: : Km7+700 Đường Hà Nội- Hồng Bàng- Hải Phòng

Lý do chi: Trả tiền hàng

Số tiền: 39.765.000

Viết bằng chữ : Ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo...HD0006692...chứng từ gốc.....

*Ngày 24 tháng 10 năm 2009*

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn* ***Biểu 2.12 : Phiếu chi tiền mặt PC364***



**Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

Trích tháng 10 năm 2009

*DVT: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
				<u>Dư đầu năm</u>			<b>1.518.390.586</b>	
				<u>Dư đầu tháng 10</u>			1.730.478.276	
01/10	01/10	PT714		Thu tiền hàng	10.000.000		1.740.478.276	
01/10	01/10	PT715		Trần Phương Lan hoàn tạm ứng	210.000		1.740.688.276	
01/10	01/10		PC322	Phí vận chuyển		10.010.000	1.730.678.276	
02/10	02/10	PT716		Rút tiền gửi nhập quỹ TM	1.000.000.000		2.730.678.276	
02/10	02/10	PT717		Thu tiền hàng	23.430.000		2.754.108.276	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
<b>18/10</b>	<b>18/10</b>	<b>PT732</b>		<b>Thu tiền hàng HD0041394</b>	<b>14.300.000</b>		<b>2.134.584.276</b>	
19/10	19/10		PC359	Chi tạm ứng		4.500.000	2.130.084.276	
20/10	20/10		PC360	Chi tạm ứng		12.500.000	2.117.584.276	
<b>21/10</b>	<b>21/10</b>		<b>PC361</b>	<b>Trả tiền hàng Hùng Thanh</b>		<b>4.290.000</b>	<b>2.113.294.276</b>	
...	...	...		...	...	...	...	
<b>24/10</b>	<b>24/10</b>	<b>PT736</b>		<b>Thu tiền TT3</b>	<b>1.771.000.000</b>		<b>3.027.958.276</b>	
<b>24/10</b>	<b>24/10</b>		<b>PC364</b>	<b>Trả tiền hàng Bảo Phúc</b>		<b>39.765.000</b>	<b>2.988.193.276</b>	
...	...	...		...	...	...	...	
31/10	31/10	PT740		Thu tiền hàng HD41421	5.500.000		2.569.693.276	
<b>31/10</b>	<b>31/10</b>	<b>PT741</b>		<b>Phạm Văn Lâm góp vốn</b>	<b>600.000.000</b>		<b>3.169.693.276</b>	
				Cộng phát sinh T12	5.895.600.050	4.456.385.000		
				Luỹ kế phát sinh	63.376.620.546	61.875.387.323		
				<u>Số dư cuối kỳ</u>			<b>3.169.693.276</b>	

***Biểu 2.13 : Sổ quỹ tiền mặt***

**Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**

**NHẬT KÝ CHUNG**

Trích tháng 10 năm 2009

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	ĐG SC	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>					<b><u>419.609.364.869</u></b>	<b><u>419.609.364.869</u></b>
18/10	PT732	18/10	Thu tiền hàng HĐ041394	x		111		14.300.000	
	HĐ 41394	18/10		x			131		14.300.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
19/10	PC359	19/10	Chi tạm ứng	x		141		4.500.000	
		19/10		x			111		4.500.000
...	...	...	...	x	...	...	...	...	...
21/10	PC360	21/10	Mua hàng trả bằng tiền mặt	x		156		3.900.000	
				x		1331		390.000	
				x			111		4.290.000
...	...	...	...	x	...	...	...	...	...
24/10	PC364	24/10	Trả tiền hàng	x		156		36.150.000	
				x		1331		3.615.000	
				x			111		39.765.000
24/10	PT736	24/10	Thu tiền hàng	x		111		1.771.000.0000	
				x			511		1.610.000.000
				x			3331		161.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/10	PT741	31/10	Nhận góp vốn	x		111		600.000.000	
				x			4111		600.000.000
...	...	...	...	x	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh tháng 10</b>					<b><u>39.364.383.396</u></b>	<b><u>39.364.383.396</u></b>
			<b>Luỹ kế PS</b>					<b><u>458.973.748.265</u></b>	<b><u>458.973.748.265</u></b>

*DVT : Đồng*

***Biểu 2.14 : Sổ nhật ký chung***

**Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng H**

**SỔ KẾ TOÁN  
CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT**

Tài khoản : 111  
Loại quỹ : Tiền mặt VN  
Trích tháng 10 năm 2009

*DVT : Đồng*

NT chứng từ	Số hiệu CT		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn
	Thu	Chi			Nợ	Có	
			Dư đầu kỳ				<u>1.730.478.276</u>
01/10	PT714		Thu tiền hàng	131	10.000.000		1.740.478.276
01/10	PT715		Trần Phương Lan hoàn tạm ứng	141	210.000		1.740.688.276
01/10		PC322	Phí vận chuyển	156 133		9.100.000 910.000	1.730.678.276
02/10	PT716		Rút tiền gửi nhập quỹ TM	112	1.000.000.000		2.730.678.276
02/10	PT717		Thu tiền hàng	511 3331	21.300.000 2.130.000		2.754.108.276
...	...	...	...		...	...	...
<b>18/10</b>	<b>PT732</b>		<b>Thu tiền hàng HĐ0041394</b>	<b>131</b>	<b>14.300.000</b>		<b>2.134.584.276</b>
<b>19/10</b>		<b>PC359</b>	<b>Chi tạm ứng</b>	<b>141</b>		<b>4.500.000</b>	<b>2.130.084.276</b>
20/10		PC360	Chi tạm ứng	141		12.500.000	2.117.584.276
<b>21/10</b>		<b>PC361</b>	<b>Trả tiền hàng Hùng Thanh</b>	<b>156 1331</b>		<b>3.900.000 390.000</b>	<b>2.113.294.276</b>
...	...		...		...	...	...
<b>24/10</b>	<b>PT736</b>		<b>Thu tiền TT3</b>	<b>511 3331</b>	<b>1.610.000.000 161.000.000</b>		<b>3.027.958.276</b>
<b>24/10</b>		<b>PC364</b>	<b>Trả tiền hàng Bảo Phúc</b>	<b>156 1331</b>		<b>36.150.000 3.615.000</b>	<b>2.988.193.276</b>
...	...		...		...	...	...
31/10	PT740		Thu tiền hàng HĐ41421	511 3331	5.000.000 500.000		2.569.693.276
<b>31/10</b>	<b>PT741</b>		<b>Phạm Văn Lâm góp vốn</b>	<b>4111</b>	<b>600.000.000</b>		<b>3.169.693.276</b>
			Cộng PS tháng 10		5.895.600.050	4.456.385.000	
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u><b>3.169.693.276</b></u>

***Biểu 2.15 : Sổ chi tiết tiền mặt***

**Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**

**SỔ CÁI**

Tài khoản : 111 – Tiền mặt

Trích tháng 12 năm 2008

*DVT : Đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng 1</u>				<b><u>1.518.390.586</u></b>	
			<u>Số dư đầu tháng 10</u>				<u>1.730.478.276</u>	
18/10	PT732	18/10	Thu tiền hàng HD41394			131	14.300.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
19/10	PC359	19/10	Chi tạm ứng			141		4.500.000
21/10	PC361	21/10	<b>Trả tiền hàng Hùng Thanh</b>			156		3.900.000
						1331		390.000
24/10	PC364	24/10	<b>Trả tiền hàng Bảo Phúc</b>			156		<b>36.150.000</b>
						1331		3.615.000
24/10	PT736	24/10	<b>Thu tiền TT3</b>			511	<b>1.610.000.000</b>	
						3331	161.000.000	
31/12	PT741	31/12	<b>Phạm Văn Lâm góp vốn</b>			4111	600.000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh				5.895.600.050	4.456.385.000
			Luỹ kế số phát sinh				63.376.620.546	61.875.387.323
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				<b><u>3.169.693.276</u></b>	

***Biểu 2.16 : Sổ cái tiền mặt***

## **2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty**

### **2.2.1. Đặc điểm về TGNH của công ty**

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng vai trò quan trọng và diễn ra thường xuyên tại Công ty, thể hiện tính đa dạng hoá về hình thức thanh toán, thuận lợi trong việc luân chuyển tiền tệ.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt toàn bộ vốn bằng tiền của Công ty trừ số được phép để lại quỹ để chi tiêu hàng ngày còn lại đều gửi tại Ngân hàng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh công ty gửi tài khoản nhận rồi của mình vào Ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu doanh nghiệp phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán TGNH được công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi.

Hiện nay công ty đang thực hiện giao dịch với ngân hàng là : Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng

Hầu hết các nghiệp vụ thanh toán có giá trị lớn của công ty được thực hiện qua ngân hàng như các nghiệp vụ thanh toán cho nhà cung cấp, thanh toán với khách hàng, thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, với các tổ chức, với cơ quan BHXH, các nghiệp vụ bảo lãnh của ngân hàng cho Công ty khi Công ty tham gia đấu thầu vvv.

### **2.2.2. Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” (chi tiết TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

Chi tiết:

- 1121: Ngân hàng Đầu t- và Phát triển Hải Phòng

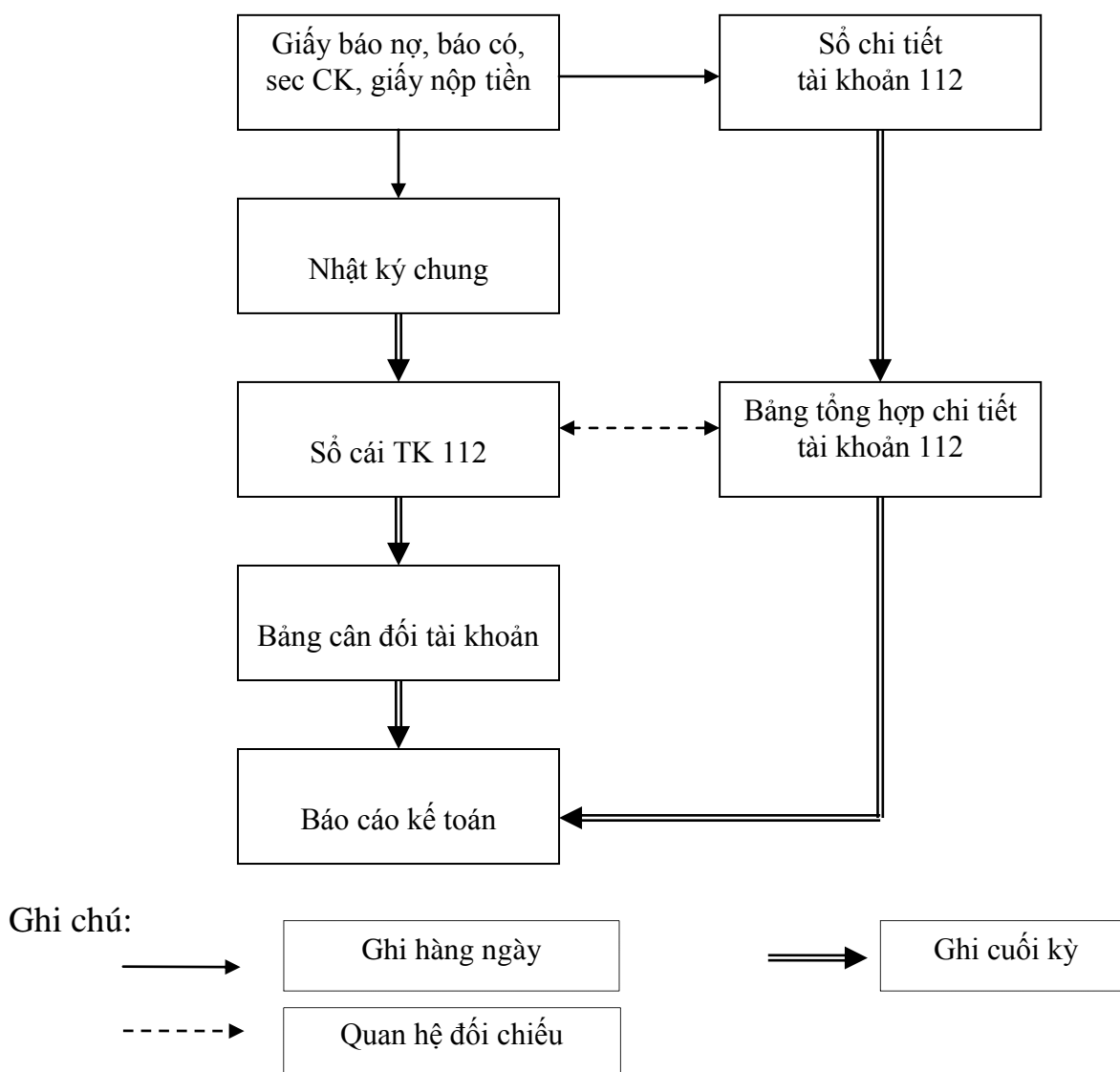
Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim khí quý, đá quý

2.2.3. Các chứng từ và sổ sách Công ty sử dụng trong kế toán tiền gửi NH:

- Giấy nộp tiền
- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Ủy nhiệm chi
- Lệnh chuyển tiền
- Phiếu tính tiền lãi vay
- Sổ phụ khách hàng
- Sổ tiền gửi ngân hàng.
- Sổ nhật ký chung
- Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi NH
- Các sổ kế toán tổng hợp.
- Các sổ kế toán chi tiết liên quan

➤ *Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thành Nam*

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.5) :



Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển chứng từ

Căn cứ để ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi của Công ty là các giấy báo Có, giấy báo Nợ hoặc các bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc như uỷ nhiệm chi, séc chuyển khoản... Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có số chênh lệch thì phải báo cáo với ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán vào các sổ sách liên quan tương tự như nghiệp vụ đối với hoạt động tiền mặt.

Cuối mỗi kỳ kế toán, kế toán tiến hành đối chiếu và so sánh số dư TK 112 trên Sổ cái và sổ chi tiết TK 112 (Sổ quỹ TK 112) với giấy báo số dư khách hàng do ngân hàng lập để nâng cao hiệu quả kiểm tra, kiểm soát TGNH của Công ty và kịp thời xử lý nếu có sự nhầm lẫn.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, sổ phụ tài khoản,... kế toán tiến hành ghi vào nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản 112. Tại Công ty sổ chi tiết TK112 được mở chi tiết theo từng Ngân hàng. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK112, cuối tháng tổng hợp từ sổ chi tiết kế toán tiến hành ghi vào bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và trên cơ sở đó lập báo cáo tài chính.

#### **2.2.4. Kế toán TGNH**

❖ **Nghiệp vụ 1.** Ngày 09/10/2009, Công ty Xổ số kiến thiết Hải Phòng thanh toán tiền hàng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, Công ty Xổ số kiến thiết Hải Phòng đến Ngân hàng Seabank Hải Phòng để phát lệnh chi.

Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng lập lệnh chuyển có khi thấy tiền về đến tài khoản của Công ty xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng

Kế toán Công ty xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng lấy lệnh chuyển có của Ngân hàng và bản Sao kê tài khoản chi tiết về làm chứng từ gốc ghi sổ.

**Biểu số 2.17**

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

Mã KS: NTTL5 110

**LỆNH CHUYỂN CÓ**

Loại giao dịch: Giá trị cao

Số hiệu giao dịch: 11200062

Ngân hàng gửi: NH Seabank HP

Ngân hàng nhận: NHĐT & PT HP

Số bút toán: 00000010

Ngày, giờ lập: 09/10/09-09:13:25

Ngày, giờ nhận: 09/10/09-10:45:51

Mã NH: 23502016 TK Nợ: 1121

Mã NH: 23201065 TK Có: 131

Người phát lệnh: Công ty Xổ số kiến thiết Hải Phòng

Địa chỉ/số CMND: Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Tài khoản: 0103001434

Tại NH: 00071004761907

Người nhận lệnh: Công ty CP xây dựng và đầu tư hạ tầng

Địa chỉ/số CMND: Số 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Tài khoản: 32110000000683

Tại NH: 2301065- NHĐT & PT HP

Nội dung: Thu tiền bán hàng

Số tiền bằng số: 347.501.000

Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm linh một nghìn đồng  
chẵn

KÊ TOÁN

(Ký, họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, họ tên)

CHỦ TÀI KHOẢN

(Ký, họ tên)



**Biểu số 2.18**

**NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG**

**SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT**

Statement of Account

Trang/ Page 2

Từ ngày/ from date: 09/10/09 đến ngày/To date: 09/10/09

Số tài khoản/ Account No: 32110000000683 Tiền tệ/ Currency: VNĐ

Tên tài khoản/ Account name: CTCP xây dựng và đầu tư hạ tầng

Ngày PS trước/ Previoid:

SDDK/ Beginning Balance: 3.968.385.000đồng

SDCK/ Ending Balance:

Ngày phát sinh Transaction date	Số chứng từ Document No	Nội dung giao dịch Description
15/8/2008	13100105	Chuyển tiền vào TK

Doanh số phát sinh (Transted Amount)

Nợ (Debit)	Có (Credit)
	347.501.000

Giao dịch viên  
Teller

Phí NH: 0.00 VNĐ

Kiểm soát viên  
Supervisor

T-toán phí: 0.00 VNĐ

❖ **Nghiệp vụ 2.** Ngày 12 tháng 10 năm 2009, xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng. Kế toán nhận được lệnh xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng tiến hành viết phiếu chi:

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư  
hạ tầng**  
**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

*Mẫu số 02-TT*  
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Số: PC347

*Ngày 12 tháng 10 năm 2009*

NỢ: 1121

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Lan  
Địa chỉ: : Phòng kế toán  
Lý do chi: Nộp vào ngân hàng  
Số tiền: 250.000.000  
Viết bằng chữ : Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn.  
Kèm theo.....chứng từ gốc.....

*Ngày 12 tháng 10 năm 2009*

<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	----------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*

***Biểu 2.19 : Phiếu chi tiền mặt PC347***

Sau khi có đầy đủ chữ ký của người có liên quan, người nộp tiền sẽ nhận từ thủ quỹ và đem đến Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng. Tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng phát hành giấy nộp tiền ghi nhận số tiền Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng đã nộp. Sau khi hoàn thành thủ tục gửi tiền vào Ngân hàng, người nộp tiền của công ty sẽ đem giấy nộp tiền và phiếu chi đưa cho kế toán tiền gửi để ghi sổ sách.

**Biểu số 2.20**

<b>NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG</b>		Liên 2/ Copy 2
		Số/ No ... Giao người nộp Depositor s copy
<b>GIẤY NỘP TIỀN</b> Cash Deposit Slip Ngày/Date: 12/10/2009		
Tài khoản có/ Credit A/C No: 32110000000683		
Tên tài khoản/ Account name: CTCP xây dựng và đầu tư hạ tầng		
Số tiền bằng chữ/ Inword: Hai trăm năm mươi triệu đồng		
Người nộp tiền/ Deposited by: Phạm Bảo Nam		Số tiền bằng số (Amount in figures) 250.000.000đ
Địa chỉ/ Address: Phòng kế toán		
Tại ngân hàng/ with bank: NHĐT & PT HP		
Nội dung nộp/ Remarks: Nộp tiền vào tài khoản		
Người nộp tiền	Giao dịch viên	Kiểm soát viên
Depositor s signature	Teller	Supervisor

❖ **Nghiệp vụ 3.** Ngày 14 tháng 10 năm 2009, chi tiền mua sắt thép bằng tiền gửi Ngân hàng

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua Ngân hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0052785, kế toán công ty gửi ủy nhiệm chi đến Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng

Ngân hàng nhận được ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi bản Sao kê tài khoản chi tiết.

**Biểu số 2.21**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			<b>Mẫu số: 01 GTKT-3LL</b>		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>NB/2009B</b>		
Liên 2: Giao khách hàng					
Ngày 14 tháng 10 năm 2009			<b>0052785</b>		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Bảo Phúc					
Địa chỉ: Km7+700 Đường Hà Nội- Hồng Bàng- Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng					
Địa chỉ: Số 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép ø10	kg	5000	14.050	70.250.000
2	Tôn mạ màu LD 0,45	m2	250	82.400	20.600.000
Cộng tiền hàng:					90.850.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		
9.085.000					
Tổng cộng tiền thanh toán:					
99.935.000					
Số tiền viết bằng chữ: Chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

**Biểu số 2.22**

<b>UỶ NHIỆM CHI</b>		Số UNC: 11215
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN 14/10/2009		Lập ngày:
Đơn vị trả tiền: CTCP XD và đầu tư hạ tầng		Phần do NH ghi  TK NỢ  TK CÓ
Số tài khoản: 32110000000683		
Tại ngân hàng: Đầu tư và Phát Triển Tỉnh, TP: Hải Phòng		
-----		
Đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Bảo Phúc		
Số tài khoản: 00120130003054		
Tại ngân hàng: Ngoại thương Tỉnh, TP: Hải Phòng		
-----		
Số tiền bằng chữ: Chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn		Số tiền bằng số 99.935.000
Nội dung thanh toán: Trả tiền hàng		
Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A Ghi sổ ngày: 14/10/09	Ngân hàng B Ghi sổ ngày: 14/10/09
Kế toán    Chủ tài khoản	Kế toán    TP. Kế toán	Kế toán    TP. Kế toán

**Biểu số 2.23**

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG						
SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT						
Statement of Account						
Trang/ Page 2						
Từ ngày/ from date: 14/10/09 đến ngày/To date: 14/10/09						
Số tài khoản/ Account No: 32110000000683		Tiền tệ/ Currency: VNĐ				
Tên tài khoản/ Account name: CTCP XD và đầu tư hạ tầng						
Ngày PS trước/ Previoid:						
SDDK/ Beginning Balance: 4.546.768.000 đồng						
SDCK/ Ending Balance:						
Ngày phát sinh Transaction date 14/10/2009	Số chứng từ Document No 13100105	Nội dung giao dịch Description Trả tiền hàng				
Doanh số phát sinh (Transted Amount)						
		<table border="1"><thead><tr><th>Nợ (Debit)</th><th>Có (Credit)</th></tr></thead><tbody><tr><td style="text-align: center;">99.935.000</td><td></td></tr></tbody></table>	Nợ (Debit)	Có (Credit)	99.935.000	
Nợ (Debit)	Có (Credit)					
99.935.000						
Giao dịch viên Teller Phí NH: 0.00 VNĐ	Kiểm soát viên Supervisor T-toán phí: 0.00 VNĐ					

❖ **Nghiệp vụ 4.** Ngày 16/10/09 Công ty Cổ phần XD và đầu tư hạ tầng Hải phòng mua hàng của Công ty TNHH xây dựng Việt Hải thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng.

**Biểu số 2.24**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			<b>Mẫu số: 01 GTKT-3LL</b>		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>NB/2008B</b>		
Liên 2: Giao khách hàng					
Ngày 16 tháng 10 năm 2009			<b>0052776</b>		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH xây dựng Việt Hải					
Địa chỉ: 214 Tô Hiệu- Lê Chân- Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text" value="04"/> <input type="text" value="0038879"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần XD và đầu tư hạ tầng					
Địa chỉ: Số 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK MS: <input type="text" value="02"/> <input type="text" value="0075853"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Nhựa ốp trần, ốp tường Đài Loan 801	m2	500	50.000	25.000.000
2	Phào chỉ	cây	40	11.500	460.000
Cộng tiền hàng:					25.460.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		2.546.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					28.006.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu không trăm linh sáu nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

**Từ hóa đơn mua hàng, kế toán lập ủy nhiệm chi gửi cho Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển.**

**Biểu số 2.25**

<b>UỶ NHIỆM CHI</b>		Số UNC: 11217
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN		Lập ngày:
16/10/2009		
Đơn vị trả tiền: CTCP XD và đầu tư hạ tầng		Phần do NH ghi  TK NỢ  TK CÓ
Số tài khoản: 32110000000683		
Tại ngân hàng: Đầu tư và Phát Triển Tỉnh, TP: Hải Phòng		
-----		
Đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH xây dựng Việt Hải		
Số tài khoản: 0400388796		
Tại ngân hàng: Ngoại thương Tỉnh, TP: Hải Phòng		
-----		
Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu không trăm linh sáu nghìn đồng chẵn		Số tiền bằng số 28.006.000
Nội dung: Thanh toán tiền hàng		
Đơn vị trả tiền Kế toán    Chủ tài khoản	Ngân hàng A Ghi sổ ngày: 16/10/09 Kế toán    TP. Kế toán	Ngân hàng B Ghi sổ ngày: 16/10/09 Kế toán    TP. Kế toán



**Biểu số 2.26**

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG						
SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT						
Statement of Account						
Trang/ Page 2						
Từ ngày/ from date: 16/10/09 đến ngày/To date: 16/10/09						
Số tài khoản/ Account No: 32110000000683 Tiền tệ/ Currency: VNĐ						
Tên tài khoản/ Account name: CTCP XD và đầu tư hạ tầng						
Ngày PS trước/ Previoid:						
SDDK/ Beginning Balance: 4.449.834.000 đồng						
SDCK/ Ending Balance:						
Ngày phát sinh Transaction date 16/10/2009	Số chứng từ Document No 13100105	Nội dung giao dịch Description Thanh toán tiền hàng				
Doanh số phát sinh (Transted Amount)						
		<table border="1"><thead><tr><th>Nợ (Debit)</th><th>Có (Credit)</th></tr></thead><tbody><tr><td style="text-align: center;">28.006.000</td><td></td></tr></tbody></table>	Nợ (Debit)	Có (Credit)	28.006.000	
Nợ (Debit)	Có (Credit)					
28.006.000						
Giao dịch viên Teller Phí NH: 0.00 VNĐ	Kiểm soát viên Supervisor T-toán phí: 0.00 VNĐ					

Từ chứng từ gốc kế toán tiến hành vào sổ chi tiết tài khoản tiền gửi Ngân hàng, Nhật ký chung và sổ Cái TK 112.

**Biểu số 2.27**

**SỔ CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Tài khoản 1121

DVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Gửi vào	Rút ra	Còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	E
		<b>SDDK</b>				<b><u>3.618.204.900</u></b>	
...	...	...	...	...	...	.....	
<b>LCC</b>	<b>09/10</b>	<b>Thu tiền bán hàng</b>	<b>131</b>	<b>347.501.000</b>		4.315.886.000	
PT710	10/10	Rút TG nhập quỹ TM	1111		100.000.000	4.215.886.000	
LCC	11/10	Thu tiền bán hàng	1311	80.883.000		4.296.769.000	
<b>GNT</b>	<b>12/10</b>	<b>Xuất quỹ TM gửi vào NH</b>	<b>1111</b>	<b>250.000.000</b>		4.546.768.000	
<b>UNC15</b>	<b>14/10</b>	<b>Trả tiền hàng</b>	<b>1561</b>		<b>90.850.000</b>	4.455.919.000	
<b>HĐ 52785</b>	<b>14/10</b>	<b>+ VAT được KT</b>	<b>133</b>		<b>9.085.000</b>	4.446.834.000	
UNC16	15/10	Trả phí chuyển tiền	642		2.500.000	4.444.334.000	
LCC	15/10	Thu tiền bán hàng	1311	5.500.000		4.449.834.000	
<b>UNC17</b>	<b>16/10</b>	<b>Mua hàng thanh toán bằng ck</b>	<b>1561</b>		<b>25.460.000</b>	4.424.374.000	
<b>HĐ 52776</b>	<b>16/10</b>	<b>+ VAT được KT</b>	<b>133</b>		<b>2.546.000</b>	4.421.828.000	
LCC	17/10	Thu tiền bán hàng	1311	37.345.000		4.459.173.000	
UNC18	18/10	Trả tiền hàng	331		56.890.000	4.402.283.000	
...	...	.....	.....	.....	.....	....	
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.005.654.000</b>	<b>3.990.765.000</b>		
		<b>SDCK</b>				<b><u>3.633.093.900</u></b>	

Biểu số 2.28

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

DVT: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>				<b><u>419.609.364.869</u></b>	<b><u>419.609.364.869</u></b>
....	...	....	...	...	...	...	...	...
<b>9/10</b>	<b>LCC</b>	<b>9/10</b>	<b>Thu tiền hàng</b>	<b>x</b>	<b>1121</b>		<b>347.501.000</b>	
				<b>x</b>		<b>131</b>		<b>347.501.000</b>
10/10	PC345	10/10	Chi DV viễn thông	x	6422		864.031	
	HĐ 52784	10/10		x	1331		84.603	
				x		1111		930.634
10/10	PT712	10/10	Chi Ngân hoàn tạm ứng bằng tiền mặt	x	1111		650.000	
				x		141		650.000
<b>12/10</b>	<b>GNT</b>	<b>12/10</b>	<b>Xuất quỹ TM gửi Ngân hàng</b>	<b>x</b>	<b>1121</b>		<b>250.000.000</b>	
				<b>x</b>		<b>1111</b>		<b>250.000.000</b>
<b>14/10</b>	<b>UNC15</b>	<b>14/10</b>	<b>Trả tiền mua hàng</b>	<b>x</b>	<b>156</b>		<b>90.850.000</b>	
	HĐ 52785	14/10	+ VAT được KT	x	133		9.085.000	
				x		<b>1121</b>		<b>99.935.000</b>
16/10	PC351	16/10	Mua hàng trả bằng TM	x	156		23.900.000	
	HĐ 52786	16/10	Thuế GTGT được KT	x	133		2.390.000	
				x		1111		26.290.000
<b>16/10</b>	<b>UNC17</b>	<b>16/10</b>	<b>Mua hàng thanh toán bằng ck</b>	<b>x</b>	<b>156</b>		<b>25.460.000</b>	
	HĐ 52776	16/10	+ VAT được KT	x	133		2.546.000	
				x		<b>1121</b>		<b>28.006.000</b>
18/10	PT732	18/10	Thu tiền hàng HĐ041394	x	111		14.300.000	
		18/10		x		131		14.300.000
.....	.....	.....	...	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng chuyển trang sau</b>				<b><u>39.364.383.396</u></b>	<b><u>39.364.383.396</u></b>
			<b>Cộng lũy kế</b>				<b><u>458.973.748.265</u></b>	<b><u>458.973.748.265</u></b>

Trích tháng 10 năm 2009

**Biểu số 2.29**

**SỔ CÁI TK 112**

Trích tháng 10 năm 2009

Tên tài khoản: Tiền gửi Ngân hàng

ĐVT:

Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<b>SĐĐK(T8/2008)</b>				<b><u>3.618.204.900</u></b>	
....	...	...	....			....	....	....
<b>09/10</b>	<b>LCC</b>	<b>09/10</b>	<b>Thu tiền bán hàng</b>			<b>131</b>	<b>347.501.000</b>	
10/10	PT710	10/10	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt			1111		100.000.000
11/10	LCC	11/10	Thu tiền bán hàng			1311	80.883.000	
<b>12/10</b>	<b>GNT</b>	<b>12/10</b>	<b>Xuất quỹ tiền mặt gửi vào NH</b>			<b>1111</b>	<b>250.000.000</b>	
<b>14/10</b>	<b>UNC15</b>	<b>14/10</b>	<b>Trả tiền mua hàng</b>			<b>641</b>		<b>90.850.000</b>
			<b>+ VAT được KT</b>			<b>133</b>		<b>9.085.000</b>
15/10	UNC16	15/10	Trả phí chuyển tiền			642		2.500.000
15/10	LCC	15/10	Thu tiền bán hàng			1311	5.500.000	
<b>16/10</b>	<b>UNC17</b>	<b>16/10</b>	<b>Mua hàng thanh toán bằng ck</b>			<b>1561</b>		<b>25.460.000</b>
	<b>HĐ 52776</b>		<b>+ VAT được KT</b>			<b>133</b>		<b>2.546.000</b>
17/10	LCC	17/10	Thu tiền bán hàng			1311	37.345.000	
18/10	UNC18	18/10	Trả tiền hàng			331		56.890.000
...	...	...	.....			.....	.....	...
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>4.005.654.000</b>	<b>3.990.765.000</b>
			<b>SDCK</b>				<b><u>3.633.093.900</u></b>	

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG**

### **3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý SXKD, tổ chức kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**

Sau gần mười bốn năm kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh thương mại đến nay, Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng đã phải trải qua không ít khó khăn và thách thức để vươn lên tự khẳng định mình. Đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay, muốn tồn tại thì phải cạnh tranh lẫn nhau. Nhưng chính những rào cản đó lại là những động lực để Công ty nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Là một doanh nghiệp đã thành lập lâu năm và phải đối mặt với những khó khăn thiếu thốn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, Công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Công ty, kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo Công ty. Trong quá trình kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

Công tác quản lý và kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng cũng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh tối ưu.

Chính nhờ sự nỗ lực và học hỏi không ngừng đó khiến cho Công ty ngày một làm ăn có hiệu quả, uy tín của Công ty ngày được nâng cao, hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và đóng góp một phần vào ngân sách Nhà nước.

### **3.1.1. Những ưu điểm:**

#### ➤ Về công tác quản lý:

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, Công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp. Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong Công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả.

Bên cạnh đó, Công ty cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

#### ➤ Về công tác kế toán:

Trong điều kiện cơ chế quản lý mới, cũng như điều kiện quản lý kinh doanh thực tế của mình, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoàn chỉnh theo mô hình kế toán tập trung. Đây là mô hình mà việc hạch toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính để có thể đưa ra những quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời, mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hoá theo các phần hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ

đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các chế định kế toán, nhiệt tình yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao do thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.

Về hình thức sổ kế toán: Hiện nay, Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng đang áp dụng hình thức nhật ký chung, hình thức này khá đơn giản về quy trình hạch toán và phù hợp với quy mô và điều kiện công tác kế toán tại công ty.

Với việc tổ chức bộ máy kế toán hợp lý và lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của công tác kế toán cũng như công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty. Về điều kiện làm việc, Công ty đã đầu tư, trang bị cho bộ phận kế toán những trang thiết bị hiện đại. Mỗi kế toán viên đều được trang bị một máy vi tính riêng để mỗi người có thể hoàn thành công việc mình được giao một cách nhanh chóng và khoa học.

➤ Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:

Công tác hạch toán kế toán tại Công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận thức rõ điều này, Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến tình trạng biến động của vốn

bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Công ty tiến hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản tại ngân hàng, Công tác hạch toán vốn bằng tiền được thông tin kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thu, chi tại quỹ. Vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu quy định của bộ tài chính ban hành.

Đối với tiền gửi Ngân hàng, kế toán liên hệ thường xuyên và có quan hệ tốt với ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu thường xuyên với Ngân hàng. Công ty cũng mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi khiến cho việc kiểm tra đối chiếu và quản lý dễ dàng và thuận tiện.

### **3.1.2. Những hạn chế:**

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty vẫn tồn tại một số nhược điểm sau:

➤ **Hạn chế 1:**

Hiện nay Công ty có nhiều đối tác nên có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh về tiền mặt cũng như tiền gửi Ngân hàng. Việc tập trung ghi toàn bộ các nghiệp vụ vào nhật ký chung và sổ chi tiết mà chưa mở các sổ nhật ký đặc biệt như: Nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền... sẽ khiến cho sổ nhật ký chung dày đặc, không tiện trong việc theo dõi các khoản thu chi trong kỳ.

➤ **Hạn chế 2:**

Cuối tháng hoặc định kỳ Công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ gặp khó khăn. Như vậy sẽ ảnh hưởng đến việc theo dõi biến động của tiền mặt trong Công ty.



➤ Hạng chế 3:

Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng, vẫn còn thường xuyên thanh toán những khoản tiền mặt quá lớn. Việc thanh toán tiền hàng bằng những khoản tiền lớn sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế.

Công ty hiện trả lương theo phương pháp truyền thống trong khi các công ty đã có thay đổi sang trả lương qua thẻ ATM rất thuận tiện và giảm áp lực cho thủ quỹ rất nhiều.

➤ Hạng chế 4:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền trong kỳ của doanh nghiệp theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua đó chủ doanh nghiệp có thể dự đoán được lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai. Nhà quản lý cũng có thể thấy trước được khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới... Vì sự quan trọng đó mà hầu hết các doanh nghiệp đều lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Nhưng cho đến nay Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng vẫn chưa sử dụng vai trò của báo cáo này.

### **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện**

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phát triển tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn bằng tiền tại Công ty nói riêng và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ trọng lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

### **3.2.2 Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện**

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả

Với mong muốn được đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền, làm cho kế toán thực sự trở thành công cụ quản lý kinh tế có hiệu lực, sau một thời gian tìm hiểu về các phân hành kế toán nói chung và đi sâu vào nghiên cứu tình hình thực tế về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng Hải phòng

### **3.2.3. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**

#### *3.2.3.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách*

Công ty nên mở thêm các sổ nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ nhật ký thu tiền và nhật ký chi tiền ( mở riêng cho thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền qua Ngân hàng cho từng loại tiền hoặc cho từng ngân hàng) để việc quản lý tiền được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Theo nguyên tắc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký chung nhưng với biện pháp này những nghiệp vụ đã được ghi trong sổ nhật

ký đặc biệt sẽ không cần ghi vào nhật ký chung nữa mà cuối tháng kế toán sẽ tổng hợp từ nhật ký đặc biệt ghi một lần vào sổ cái.

Sau đây là mẫu sổ nhật ký đặc biệt nên dùng:

- Sổ Nhật ký thu tiền (Mẫu số 03a1-DN) (biểu 3.1)
- Sổ Nhật ký chi tiền (Mẫu số S03a2-DN) (biểu 3.2)

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**

**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

Mẫu số: S03a1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

### NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm: .....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK...	Ghi có TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			...	...	Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
...	...	...	Số trang trước chuyển sang	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...
18/10	PT732	18/10	...	111	131		14.300.000	
24/10	PT736	24/10	...	111	511		1.610.000.000	
				111	3331		161.000.000	
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ....

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

***Biểu 3.1 : Nhật ký thu tiền***

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng**  
**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

Mẫu số: S03a2-DN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

### NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm: .....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK...	Ghi nợ TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			...	...	Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
... 19/10	... PC359	... 19/10	... ...	... 141	... 111	...	... 4.500.000	...
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ....

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

***Biểu 3.2 : Nhật ký chi tiền***

*3.2.3.2. Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ:*

Để có thể xác định được bằng tiền VND tồn quỹ thực tế và số thừa thiếu so với sổ quỹ trên cơ sở đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch, doanh nghiệp cần tiến hành việc kiểm kê quỹ cho từng loại tiền trong quỹ của doanh nghiệp. Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập ban kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo Giám đốc xem xét giải quyết.

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê. Biên bản kiểm kê quỹ (biểu 3.3) bao gồm hai bản:

- Một bản lưu ở quỹ
- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

**Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư  
hạ tầng**  
**Địa chỉ: 274 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

Mẫu số: 08a-TT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

**BẢN KIỂM KÊ QUỸ**

(Dùng cho Việt Nam đồng)

Số:.....

Hôm nay, vào ... giờ... ngày... tháng... năm...

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán
- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà:.....đại diện .....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		
II	Số kiểm kê thực tế		
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại		
3	.....		
III	Chênh lệch (III = I – II)		

Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ.....

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ  
(Ký, họ tên)

***Biểu 3.3. Bản kiểm kê quỹ dùng cho VND***

### *3.2.3.3. Thay đổi phương thức thanh toán*

Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng. Bởi lẽ hiện nay hệ thống ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với những dịch vụ tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán như sai sót, gian lận, trộm cắp,...

Công ty nên thực hiện việc trả lương cho cán bộ công nhân viên chính thức của công ty bằng cách thanh toán qua thẻ để tiện lợi hơn, giảm áp lực công việc và giảm lượng tiền mặt trong quỹ của công ty.

### *3.2.3.4. Hoàn thiện tổ chức lập báo cáo tài chính*

Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng nó cung cấp thông tin về tài sản, nguồn vốn và tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Dựa vào BCTC các nhà quản lý đưa ra được những chiến lược phát triển Công ty trong kỳ kinh doanh tiếp theo. Hiện nay trong hệ thống BCTC của Công ty còn thiếu một báo cáo là báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Thông tin phản ánh trong bảng cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin có cơ sở để đánh giá khả năng tạo ra tiền và việc sử dụng những khoản tiền đã tạo ra trong các hoạt động của doanh nghiệp. Nó có tác dụng quan trọng trong việc phân tích, đánh giá, dự báo khả năng tạo ra tiền, khả năng đầu tư, khả năng thanh toán,... Vì vậy, theo em Công ty nên tiến hành lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm giúp cho ban quản lý Công ty có được các quyết định một cách nhanh chóng và chính xác đồng thời giúp các nhà đầu tư và những ai có nhu cầu sử dụng thông tin có những hiểu biết nhất định đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp) (\*)

Năm....

Đơn vị tính: .....

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>			
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	VII.34		

Lập, ngày ... tháng ... năm

...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 3.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp**



Đơn vị báo cáo:.....

Mẫu số B 03 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp) (\*)

Năm.....

Đơn vị tính: .....

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>			
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02			
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
- Chi phí lãi vay	06			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09			
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>			
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	31		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 3.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp**

Trên đây là mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN) theo 2 phương pháp trực tiếp (biểu 3.4) và gián tiếp (biểu 3.5)

#### *3.2.3.5. Áp dụng công nghệ thông tin*

Mặc dù Công ty đã đưa máy vi tính vào sử dụng từ lâu tuy nhiên máy vi tính chỉ thay sổ sách lưu trữ thông tin chứ chưa thực hiện thay kế toán công việc tính toán. Công việc của kế toán cuối tháng là rất lớn vì phải tính toán sổ sách, kết chuyển các tài khoản. Công ty nên áp dụng các phần mềm kế toán mới vào trong công việc để tránh được sai sót trong quá trình tính toán, thực hiện công việc kế toán nhanh chóng hơn, tiện lợi hơn, giảm thiểu công việc vào cuối tháng. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán do đó Công ty có thể lựa chọn chương trình kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện tại có các phần mềm đang được thịnh hành như: Acsoft, Fast Accounting, Bravo, Misa, AcNet, KTVN... Nhân viên của phòng kế toán phải thường xuyên nâng cao hiểu biết và kỹ năng về máy vi tính để sử dụng thành thạo hơn, nâng cao hiệu quả cũng như năng suất làm việc.

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I</b> .....	1
<b>MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP</b> .....	1
1.1. Những vấn đề lý luận chung về vốn bằng tiền.....	1
1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền.....	1
1.1.2. Các loại vốn bằng tiền và đặc điểm của vốn bằng tiền.....	1
1.1.3. Vị trí, vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền. ....	5
1.1.5. Sự cần thiết vốn bằng tiền trong hoạt động kinh doanh. ....	6
1.1.6. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.....	6
1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.....	6
1.2.1. Những quy định chung về kế toán vốn bằng tiền.....	6
1.2.1.1. Nguyên tắc các nghiệp vụ thanh toán. ....	7
1.2.2. Hạch toán kế toán vốn bằng tiền. ....	8
1.2.2.1. Hạch toán kế toán tiền mặt. ....	8
1.2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt.....	8
1.2.2.1.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt.....	13
1.2.2.2. Hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	17
1.2.2.2.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng. ....	19
1.2.2.3. Hạch toán kế toán tiền đang chuyển.....	24
1.2.2.3.1. Các quy định kế toán tiền đang chuyển. ....	24
1.2.2.3.2. Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.....	25
1.2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	25
1.3. Hình thức ghi sổ kế toán.....	27
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung.....	28
1.3.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái.....	29
1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	29
1.3.4. Hình thức Nhật ký chứng từ.....	30
1.3.5. Hình thức Kế toán máy.....	31
<b>CHƯƠNG II:</b> .....	33
<b>THỰC TRẠNG KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG</b> .....	33
<b>I. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng</b> .....	33
1.1. Lịch sử phát triển của công ty.....	33
<b>II. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng</b> .....	41
2.1. Kế toán tiền mặt.....	41
2.1.1. Đặc điểm về tiền mặt của Công ty.....	41
2.1.2. Tài khoản sử dụng.....	41
2.1.4. Kế toán tiền mặt.....	44
2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty.....	61
2.2.1. Đặc điểm về TGNH của công ty.....	61
<hr/>	
Sinh viên: Phạm Thanh Liêm - Lớp: QTL201K	91

2.2.2. Tài khoản sử dụng:.....	61
2.2.3. Các chứng từ và sổ sách Công ty sử dụng trong kế toán tiền gửi NH: ....	62
<b>2.2.4. Kế toán TGNH.....</b>	<b>63</b>
<b>CHƯƠNG 3.....</b>	<b>77</b>
<b>MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC.....</b>	<b>77</b>
<b>KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG.....</b>	<b>77</b>
<b>3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý SXKD, tổ chức kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng .....</b>	<b>77</b>
<b>3.1.1. Những ưu điểm:.....</b>	<b>78</b>
<b>3.1.2. Những hạn chế:.....</b>	<b>80</b>
<b>3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng.....</b>	<b>81</b>
<b>3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.....</b>	<b>81</b>
<b>3.2.2 Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện .....</b>	<b>82</b>
<b>3.2.3. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư hạ tầng.....</b>	<b>82</b>
<i>3.2.3.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách .....</i>	<i>82</i>
<i>3.2.3.2. Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ: .....</i>	<i>85</i>
<i>3.2.3.3. Thay đổi phương thức thanh toán.....</i>	<i>87</i>
<i>3.2.3.4. Hoàn thiện tổ chức lập báo cáo tài chính .....</i>	<i>87</i>
<i>3.2.3.5. Áp dụng công nghệ thông tin .....</i>	<i>90</i>